



## Mục lục

### SỰ KIỆN

- 3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:  
Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam
- 12 KHĂM-PHẢN PHỐI-NHẠ-VÔNG:  
Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào
- NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI
- 19 VŨ VĂN HIỀN:  
Thời đại với những chuyển biến lớn lao
- 31 NGUYỄN QUANG THUẤN:  
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua gần 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

---

**44 PHẠM MINH TUẤN:**

**Một số định hướng đổi mới và nâng cao hiệu quả chính sách phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay**

---

**55 NGUYỄN BÁ DƯƠNG: Quân đội nhân dân Việt Nam với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn**

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**66 Kỳ họp thứ 2 Hội đồng Lý luận Trung ương**

---

**70 Hội thảo lý luận lần thứ VIII giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào**

---



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bài phát biểu của đồng chí NGUYỄN XUÂN THẮNG, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội thảo lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.



*Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, làm Trưởng đoàn \_ Ảnh: TTXVN*

*Kính thưa các đồng chí,*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã

thành công rất tốt đẹp. Đại hội biểu thị

sự thống nhất ý chí, tư duy mới và quyết tâm mạnh mẽ của Đảng và nhân dân Việt Nam về xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc, đến giữa thế kỷ XXI, trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Văn kiện Đại hội XIII là sự kết tinh trí tuệ, sáng tạo của toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam, thể hiện tư duy lý luận và thực tiễn mang tầm nhìn chiến lược về công cuộc phát triển đất nước. Hệ thống các văn kiện thể hiện nhiều điểm mới, nổi bật trên mọi phương diện: từ trong cách tổ chức và quá trình chuẩn bị các dự thảo văn kiện, trong cách tiếp cận xây dựng văn kiện, trong xác định chủ đề đại hội, trong tổng kết các bài học kinh nghiệm, trong đề ra hệ quan điểm chỉ đạo, dự báo bối cảnh trong nước và quốc tế, trong việc xác định mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược phát triển đất nước.

Bám sát nguyên tắc kế thừa và phát triển và cách tiếp cận hệ thống, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII gắn với việc tổng kết 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh

xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ XII là kết quả của quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ qua nhiều nhiệm kỳ Đại hội của Đảng và nhân dân Việt Nam, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam qua 35 năm đổi mới<sup>(1)</sup>. Đất nước Việt Nam chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay<sup>(2)</sup>.

Qua tổng kết thực tiễn sinh động, Văn kiện rút ra 5 bài học kinh nghiệm lớn, cũng có thể được coi là 5 vấn đề lý luận căn cốt của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Đó là: i) triển khai toàn diện, đồng bộ, thường xuyên công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; ii) quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”, nhân dân là chủ thể, là trung tâm của sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; iii) có quyết tâm chính trị cao, nỗ

lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách; iv) tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước; v) chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ.

Xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ cho giai đoạn 2021-2025 gắn với mục tiêu, định hướng chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2045, Văn kiện Đại hội XIII cho thấy một lộ trình phát triển đất nước cả trước mắt, trung hạn và dài hạn, với những kế thừa và phát triển sáng tạo mang tính bước ngoặt qua từng dấu mốc quan trọng, đó là: kỷ niệm 50 năm cả nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam là phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại, Nghị quyết Đại hội XIII khơi dậy khát vọng phát

triển đất nước phồn vinh, dân tộc hùng cường, nhân dân ấm no, hạnh phúc, để ra mục tiêu phấn đấu đến giữa thế kỷ, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là tầm nhìn và khát vọng của Việt Nam, phản ánh bản lĩnh, trí tuệ, sức sáng tạo và ý chí, quyết tâm của nhân dân Việt Nam, do chính con người Việt Nam thực hiện; thể hiện tư duy lý luận sâu sắc, truyền cảm hứng mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để Việt Nam lập nên kỳ tích phát triển mới, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Để hiện thực hóa tầm nhìn và khát vọng đó, lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội XIII đề ra hệ quan điểm chỉ đạo về những vấn đề có tính nguyên tắc trong tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh và bền vững; về động lực và nguồn lực phát triển; và về những nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp sáng tạo vĩ đại của Đảng và nhân

dân Việt Nam. Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam thành công, trước hết phải luôn kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc hết sức quan trọng, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động. Với tư cách là một học thuyết phát triển, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội vừa mang tính phổ biến, vừa có tính đặc thù; các quốc gia tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ không giống nhau mà phải dựa vào những đặc điểm cụ thể của mỗi nước và phù hợp với tình hình quốc tế; phải liên tục bổ sung, phát triển những nhận thức mới trong cách tiếp cận, phương pháp hành động và bước đi cụ thể để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hơn 35 năm qua, công cuộc đổi mới đã thực sự là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của nhân dân Việt Nam mang tầm vóc và ý nghĩa to lớn trên con đường xây dựng chủ

nghĩa xã hội của Việt Nam do nhân dân Việt Nam thực hiện. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới và quá trình thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước hoàn thiện và hiện thực hóa lý luận về đường lối đổi mới Việt Nam. Đây là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện Việt Nam thời kỳ mới; là sự sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại, trên cơ sở đúc kết những bài học thành công và thất bại của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới, kế thừa có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hóa và các thành tựu phát triển của nhân loại.

Lý luận về đường lối đổi mới thể hiện tầm nhìn và mục tiêu phát triển một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; 5 bài học kinh nghiệm, 5 quan điểm chỉ đạo và 10 mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật mang tính biện chứng của cách mạng

Việt Nam được đúc kết trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII, có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc xây dựng, hoàn thiện 3 trụ cột của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, đó là: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; và sự nghiệp này do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lãnh đạo. Quán triệt Văn kiện Đại hội XIII và những bài viết rất sâu sắc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong thời gian gần đây, chúng tôi càng nhận thức đầy đủ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận về đường lối đổi mới trong hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới.

Văn kiện Đại hội XIII khẳng định tinh thần xuyên suốt, rất nổi bật và rõ ràng: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; nhân dân là trung tâm, là chủ thể của sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục “nhiệm vụ then chốt” đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, quán triệt sâu sắc bài học “dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Văn kiện Đại hội XIII đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu mới về thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rằng, nếu không dựa vào dân, không gắn bó mật thiết, bền chặt với nhân dân, Đảng sẽ mất đi cội nguồn sức mạnh và vai trò lãnh đạo, cầm quyền của mình, không thể hoàn thành được mục tiêu, lý tưởng của quốc gia, dân tộc. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ yêu cầu: Đảng lấy sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và cán bộ, đảng viên; kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn,

dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Niềm tin của nhân dân là thước đo cho sự vững mạnh của Đảng. Càng đi sâu vào quá trình đổi mới, đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp, khó khăn nảy sinh, Đảng càng phải coi trọng, khuyến khích sức sáng tạo thực tiễn của quần chúng nhân dân, từ kinh nghiệm phong phú trong nhân dân để tổng kết, nâng tầm lý luận và ban hành các đường lối chính sách phù hợp phục vụ chỉ đạo triển khai thực tiễn mới. Nghị quyết Đại hội XIII càng cho thấy ý nghĩa sâu sắc và tầm quan trọng của sự thống nhất “ý Đảng, lòng Dân” và trách nhiệm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực, ngang tầm nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với 12 định hướng chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 khâu đột phá, Văn kiện Đại hội XIII không chỉ bao quát toàn diện mà còn nêu bật các nội dung rất quan trọng, mang tính đột phá trên các vấn đề, lĩnh vực phát triển của đất nước giai đoạn mới.

Thứ nhất, Văn kiện nhấn mạnh: tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng,

hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường... (3) Cần thấy rằng, nếu như các đại hội trước mới chỉ tập trung vào vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thì việc đề ra định hướng: xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững là một điểm mới nổi bật của Văn kiện Đại hội XIII. Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn 5 năm tới là xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập. (4) Khâu đột phá là hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; trong đó, ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và tập trung vào hai nội dung quan trọng: Một là, tháo gỡ những điểm nghẽn, tạo điều kiện để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, nhất là các nguồn lực đất đai, tài chính, con người. Hai là, tạo đột phá phát triển, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi chủ thể xã hội, mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.



Thứ hai, trong phát triển kinh tế-xã hội, Văn kiện Đại hội XIII thể hiện sâu sắc tinh thần đổi mới sáng tạo, sự thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn và yêu cầu phát triển mới của đất nước, đề ra các định hướng, nhiệm vụ phát triển, cụ thể là: tiếp tục chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học và công nghệ, nhất là các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng chính phủ số; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Văn kiện đặc biệt chú trọng yêu cầu phát triển bền vững, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nhất là đất đai, nước và khoáng sản; xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường, phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với xây dựng nông thôn hiện đại và người nông dân văn minh; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ hiện đại cả về kinh tế và xã hội; phát triển con người toàn diện, bảo đảm an ninh xã

hội, an ninh con người, chăm lo sức khỏe, sự an toàn và môi trường sống tốt cho nhân dân, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đây là những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của đất nước những năm tới; trong đó, có những chủ trương mới, có những chủ trương tuy không mới, nhưng nội hàm, cách thức triển khai lại hoàn toàn khác trước.

Thứ ba, trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu kết hợp hài hòa, chặt chẽ và có hiệu quả giữa xây dựng với chỉnh đốn Đảng, giữa xây dựng với bảo vệ Đảng; gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Cách tiếp cận biện chứng này được thể hiện thống nhất, xuyên suốt trong 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp thể hiện đầy đủ chủ trương của Đảng Cộng

sản Việt Nam về xây dựng Đảng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đi đôi với các nhiệm vụ này là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đi đôi với củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đi đôi với phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, quyết liệt hành động vì lợi ích chung; tăng cường thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng đi đôi với nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Thứ tư, trong quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Văn kiện Đại hội XIII thể hiện rất rõ phương châm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ quốc phòng-an ninh-đối ngoại; phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, xây dựng “thế trận lòng dân” gắn với củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Với chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, Văn kiện xác định mục tiêu xây dựng một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh; tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, Văn kiện nhấn mạnh xây dựng nền ngoại giao hiện đại, toàn diện với chủ trương: i) chú trọng đẩy mạnh

ngoại giao quốc phòng, an ninh để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; ii) tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, tận dụng tối đa các cơ hội từ các quá trình hội nhập, nhất là tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; iii) mở rộng và nâng cao hiệu quả ngoại giao văn hóa, đóng góp thiết thực vào quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Việc vận dụng, triển khai Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn đòi hỏi các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là các cấp lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu trong toàn hệ thống chính trị nêu cao ý thức trách nhiệm, chủ động, tự giác, đổi mới tư duy, phát huy tinh thần sáng tạo, tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc. Cần xây dựng các chương trình hành động sát thực, khả thi, hiệu quả, bám sát thực tiễn, nhất là những diễn biến mới, khó dự báo như tác động của đại dịch Covid-19 hiện nay, đi đôi với việc xây dựng các kế

hoạch kiểm tra, giám sát, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh ở từng thời điểm và nhiệm vụ cụ thể; khắc phục bằng được sự yếu kém, chậm trễ trong khâu tổ chức thực hiện, thể chế hóa nghị quyết của Đảng.

*Thưa các đồng chí,*

Trên đây là một số nội dung mới về lý luận và thực tiễn trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, xin chia sẻ với các đồng chí trong Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tham dự Hội thảo lý luận lần thứ tám giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhằm tăng cường hợp tác, đóng góp cho nhiệm vụ phát triển lý luận phục vụ sự nghiệp xây dựng Đảng, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào, cũng như góp phần thắt chặt và thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và Nhân dân hai nước chúng ta.

*Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí! ■*

(1), (2), (3), (4) ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.79, 104, 114, 200.

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO

Bài phát biểu của Đồng chí Khăm-phăn Phỏi-nhạ-vông, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tại Hội thảo lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.



Đồng chí Khăm-phăn Phỏi-nhạ-vông, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (người ngồi giữa) phát biểu tại Hội thảo \_ Ảnh: dangcongsan.vn

*Kính thưa các đồng chí*

Thay mặt cho Đảng và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, tôi xin nhiệt liệt chào mừng đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ

Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng đoàn Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam tham dự Hội thảo trực tuyến

ngày hôm nay; xin được chào mừng các Đồng chí là nhà khoa học, nhà lý luận, cán bộ lãnh đạo cấp cao... tham dự Hội thảo lý luận giữa Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam lần này. Hội thảo lý luận với chủ đề: *“Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam”*, đây là cuộc Hội thảo có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn hiện nay.

Đại hội lần thứ XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là kết quả tổng hợp trí tuệ của Đảng chính trị trong suốt 66 năm lãnh đạo, các đường lối chiến lược của Đảng đều có vai trò quyết định trong việc tiến lên theo mục tiêu của Đảng đề ra. Văn kiện Đại hội của Đảng lần này có nhiều vấn đề mới so với Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, những vấn đề mới được thể hiện rõ trong khẩu hiệu Đại hội là “Đảm bảo ổn định vững mạnh về mặt chính trị”, “Triển khai đường lối đổi mới đi vào chiều sâu”; “Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chất lượng mới”; “Nâng cao chất lượng đời sống nhân

dân”. Còn các nội dung khác được thể hiện trong Báo cáo chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ IX đã được bổ sung nhiều nội dung mới, thể hiện trên các mặt: Về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và lĩnh vực khác, thể hiện cụ thể như sau:

*Một là, những vấn đề lý luận - thực tiễn mới về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.*

Những vấn đề mới được thể hiện trong Báo cáo chính trị có nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn, Đảng đã tổng kết có 10 nội dung chính, đây là bước đột phá mới của Đảng, tập trung đánh giá cho quan điểm chỉ đạo từng nội dung có trọng tâm. Nổi bật là việc Đảng đã đánh giá kết quả việc tạo các tiền đề cho việc tiến lên mục tiêu xã hội chủ nghĩa theo đường lối của Đảng để tạo nền tảng cho việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân được hoàn thiện hơn.

Những vấn đề mới về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đã có bước chuyển biến mới về mặt lý luận, từ việc xây dựng Đảng vững mạnh, lãnh đạo toàn diện đi đến xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Việc sinh hoạt chính trị

trong thực tiễn đã tiến hành một cách mạnh mẽ, sâu sắc, gắn với việc nghiên cứu, đánh giá, phân tích một cách rộng rãi, thẳng thắn đối với những nhược điểm, tồn tại mà có tác hại đối với chế độ mới và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Những vấn đề mới trong củng cố chế độ chính trị có Đảng là hạt nhân, Đảng đã khẳng định rằng: Trong việc nâng cao năng lực và chất lượng lãnh đạo của Đảng, cần phải giải quyết hai mặt của vấn đề, đó là bảo đảm xác định nội dung nhiệm vụ chính trị chính xác, phù hợp với thực tế và có tính khả thi trong tổ chức thực thi. Đồng thời, còn nhấn mạnh thêm là các cơ quan quyền lực nhà nước đều được củng cố bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, đi đôi với xây dựng và sửa đổi luật và các văn bản pháp lý một cách có hệ thống, tinh gọn hơn, xây dựng nền tảng vững mạnh cho việc tiến tới quản lý nhà nước theo pháp luật. Trong đó, Quốc hội, Hội đồng Nhân dân tỉnh có vai trò nổi bật trong hoạt động nghiên cứu và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Cơ quan hành pháp đã tăng cường sự nghiêm minh trong quản lý kinh tế - xã hội theo pháp luật gắn với việc từng

bước giải quyết sự không minh bạch trong điều hành - quản lý các cấp, công tác bảo vệ luật pháp được thực hiện và đề cao hơn. Công tác các tổ chức đoàn thể của Đảng được triển khai liên tục gắn với tuyên truyền, vận động, giáo dục, xây dựng ý thức làm chủ đất nước.

*Hai là, những vấn đề lý luận - thực tiễn mới về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Lý luận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được kế thừa và triển khai vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào một thời gian tương đối dài; qua tổ chức thực hiện thực tế nhận thấy rằng có cả thành tựu và tồn tại. Vấn đề mới trong phát triển kinh tế đó, Đảng đã khẳng định rõ về những thành tựu, mặc dù đất nước sẽ đối mặt với nhiều khó khăn nặng nề về tài chính - tiền tệ và vấn đề nợ kéo dài, nhưng cũng có thể ngăn chặn được nguy cơ xảy ra khủng hoảng nặng nề về kinh tế. Có thể duy trì được tăng trưởng, các dự án đầu tư quy mô lớn nhiều lĩnh vực có thành tựu như: việc xây dựng đường sắt Lào - Trung Quốc, đường cao tốc, các dự án năng lượng, xây dựng nhà máy công nghiệp, xây

dựng đặc khu kinh tế... đều được hiện thực hoá.

*Ba là, những vấn đề lý luận - thực tiễn mới về phát triển văn hóa, xã hội, con người.*

Những vấn đề mới thể hiện trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người. Đảng đã khẳng định thành tựu mới quan trọng, văn hóa của đất nước được bảo tồn tốt, cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng được xây dựng, liên tục cải tạo và được nâng cấp; chỉ số phát triển con người được nâng cấp đạt tiêu chuẩn thoát khỏi tình trạng kém phát triển, giải quyết vấn đề nghèo của người dân có tiến bộ và tỷ lệ người nghèo liên tục giảm.

*Bốn là, những vấn đề lý luận - thực tiễn mới về phát triển quốc phòng, an ninh, đối ngoại.*

Đảng đã khẳng định thành tựu mới trong thực hiện đường lối quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Làm cho lực lượng quốc phòng - an ninh được xây dựng, củng cố vững mạnh về mặt chính trị - tư tưởng, trung thành với Đảng và đất nước. Là lực lượng tiên phong trong chống, ngăn chặn và phá vỡ âm mưu của các thế lực thù địch, là lực lượng được không ngừng nâng cao.

Vấn đề mới trong công tác đối ngoại, Đảng khẳng định: mối quan hệ hữu nghị và quan hệ hợp tác của Lào với các nước bạn bè chiến lược phát triển lên tầm cao mới, trong đó, mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam tiếp tục phát triển đi vào chiều sâu và có hiệu quả hơn. Đồng thời, mở rộng hợp tác quốc tế với đa dạng hoá và đa cấp độ trên cơ sở kiên định đường lối đối ngoại của Đảng.

*Các đồng chí thân mến!*

Trên cơ sở xác định đường lối, chủ trương của Đảng có trọng tâm, có nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn đã nói trên, trong việc lãnh đạo của mình, Đảng còn thể hiện quan điểm mới trong việc ứng phó với thực tiễn, dám nhận khuyết điểm trong suốt thời gian 5 năm, đồng thời dám khẳng định rằng:

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, Đảng khẳng định rằng: “sự suy thoái về chính trị, đạo đức và ý chí cách mạng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên là vấn đề đáng lo ngại của Đảng và xã hội”, “Hiện tượng chọn việc để vụ lợi; việc lợi dụng của nhà chức trách nhà nước

còn là tâm điểm để xã hội chú ý bình luận và nghi ngờ”, “Cán bộ, đảng viên không dám thay đổi sang cái mới, do đó không thể phát huy tính chủ động vươn lên, sáng tạo trong giải quyết vấn đề phát sinh ở các nơi”.

- Đảng ứng phó với trách nhiệm cao trước tình hình khó khăn về kinh tế - tài chính - tiền tệ, vấn đề nợ công còn trong tình trạng nặng nề, tình trạng điều hành rườm rà không thông suốt, doanh nghiệp trong nước còn trong tình trạng yếu kém. Còn có nhiều mục tiêu lớn về phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội lần thứ X đã đề ra không thể đạt được.

- Việc bảo tồn bản sắc và phát huy giá trị văn hóa tinh thần của quốc gia, của dân tộc chưa trở thành chiến lược và dự án thực hiện rõ ràng. Việc đào tạo và nâng cao về chuyên môn kỹ thuật chưa đáp ứng với các dự án phát triển, ngược lại việc đào tạo một số chuyên ngành lại quá tải so với vị trí việc làm trong xã hội.

- Việc vận động người dân và quần chúng để tạo nguồn lực tham gia công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh còn chưa rộng rãi, sâu sắc; việc xử lý vấn đề ma túy, mua bán người và tai nạn giao

thông còn chưa tạo bước chuyển biến đáng kể và vẫn là thách thức lớn đối với an ninh xã hội, vấn đề mới là thừa nhận năng lực trong quản lý sử dụng mạng xã hội còn hạn chế.

*Thưa các đồng chí,*

Trên cơ sở khẳng định của Đảng đối với vấn đề lý luận - thực tiễn mới thể hiện trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng là có cả thành tựu và khuyết điểm. Do đó, nhằm hiện thực hóa nội dung mới đề ra tại Đại hội lần thứ XI, Đảng đã có quan điểm chỉ đạo về lý luận, đề ra mục tiêu, kế hoạch trọng tâm và các dự án hỗ trợ về thực tiễn như sau:

(1) Trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị, Đảng phải “kiên quyết giải quyết nhược điểm - tồn tại trong Đảng, bảo đảm vai trò hoạt động lãnh đạo thực tế của tổ chức các cấp”, tạo bước chuyển biến mới về tư duy, nâng cao chất lượng công tác chính trị - tư tưởng và lý luận của Đảng nhằm làm cho cán bộ cấp chiến lược, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp nắm vững lý luận cách mạng và biết vận dụng vào thực tiễn; Đảng yêu cầu cán bộ, đảng viên có lập trường vững vàng và nhất quán, đồng thời đấu tranh giải



phóng tư tưởng, hoạt động duy ý chí, không dám thay đổi, không dám nhìn xa trông rộng, hoạt động mang tính hình thức, không phù hợp thực tế, làm nhiều nhưng hiệu quả thấp. Kiên quyết tạo sự vững mạnh cho tổ chức Đảng các cấp và nâng cao chất lượng của từng đồng chí đảng viên;

Tiếp tục tích cực củng cố hệ thống chính trị đi đôi với phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho vai trò của Đảng làm hạt nhân lãnh đạo toàn hệ thống chính trị được nâng cao; tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện để tiến lên theo mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Muốn làm được như vậy phải coi lãnh đạo về tư tưởng lý luận là vấn đề quan trọng thông qua việc “Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận khoa học - tổng kết thực tiễn sinh động để nâng cao năng lực về tư duy lý luận của Đảng, điều chỉnh nội dung lãnh đạo rõ nét, phù hợp với thực tế và bảo đảm tính khả thi trong thực hiện”. Củng cố hệ thống tổ chức, bộ máy và cơ chế hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước một cách vững mạnh và có hiệu quả “Giải quyết dứt điểm tình trạng có nhiều đơn vị, nhiều trọng tâm chỉ đạo trong một công việc,

tin gọn bộ máy, thông suốt, vững mạnh và hoạt động có hiệu quả”. Tăng cường công tác mặt trận và quần chúng của Đảng để đáp ứng yêu cầu triển khai đường lối của Đảng.

(2) Tiếp tục phát huy đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua việc xác định đường lối phù hợp với đòi hỏi của phát triển trong điều kiện mới trên tinh thần “Phát triển kinh tế ở Lào vào những năm tới cũng như dài hạn phải trên cơ sở bảo đảm sử dụng tối đa tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích mọi tiềm năng và thế mạnh một cách hợp lý để phát huy các ngành sản xuất và dịch vụ mũi nhọn, bảo đảm tăng trưởng có chất lượng theo hướng xanh và bền vững. Củng cố thể chế kinh tế thị trường nhiều thành phần kinh tế gắn với vai trò quản lý mạnh mẽ và có hiệu quả của Nhà nước. Cải cách doanh nghiệp nhà nước thực chất. Tạo môi trường và điều kiện mới cho việc củng cố, phát triển doanh nghiệp nhà nước vững mạnh và hiệu quả.

(3) Phát huy giá trị bản sắc văn hóa của dân tộc và không ngừng phát triển văn minh về tinh thần xã hội. Nâng cao tính làm chủ đất nước của nhân dân,

xây dựng xã hội có dân chủ, bình đẳng và công bằng; phát triển người Lào để đáp ứng với nhu cầu của phát triển đất nước giai đoạn mới. Thông qua việc xây dựng người Lào sẵn sàng về mọi mặt, quan tâm nâng cao trình độ đội ngũ nhà nghiên cứu - trí thức, đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực, đáp ứng nhân sự có chất lượng cho Nhà nước, giải quyết tình trạng học nhưng không được sử dụng, đào tạo ra không có việc làm.

(4) Nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền, giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội. Thông qua việc tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo quyết liệt, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với lực lượng quốc phòng - an ninh, tích cực xây dựng lực lượng vững mạnh. Tiến hành giải quyết các vấn đề gây hại trực tiếp đối với xã hội một cách hệ thống và hiệu quả, đề ra biện pháp ngăn chặn việc sản xuất, vận chuyển và bán ma túy, ngăn chặn, xử lý buôn người, áp dụng biện pháp cần thiết để thi hành pháp luật nghiêm chỉnh trong thực hiện nhiệm vụ của nhà chức trách công an.

Làm chủ trong công tác đối ngoại, tạo điều kiện thuận lợi để mang lại lợi ích thiết thực cho phát triển đất nước. Thông qua hợp tác đa phương, đa cấp

độ giữa nhà nước với nhà nước và giữa Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với các Đảng chính trị trên thế giới.

*Thưa các vị đại biểu,*

Vấn đề lý luận và thực tiễn mới thể hiện trong văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có nội dung sâu rộng, có tính kế thừa và sáng tạo tương đối rõ nét trong từng mặt. Trong phạm vi bài phát biểu của tôi không thể trình bày được hết những vấn đề cụ thể. Nhưng chúng ta sẽ được nghe báo cáo các chuyên đề sẽ đi sâu từng vấn đề của các nhà khoa học phía Lào và trao đổi ý kiến với phía Việt Nam, góp phần làm cho nội dung của từng vấn đề phong phú và sâu sắc hơn.

Chúc các đồng chí Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, các đồng chí Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Hội đồng Lý luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và các Đồng chí tham dự Hội thảo dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

Chúc mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Lào - Việt Nam mãi mãi xanh tươi đời đời bền vững. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

*Xin trân trọng cảm ơn* ■

# THỜI ĐẠI VỚI NHỮNG CHUYỂN BIẾN LỚN LAO

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Nhận thức rõ đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một công việc rất cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc cần biết mình đang sống trong thời đại gì và bối cảnh thế giới nào, với những tính chất, đặc điểm, nội dung và xu thế phát triển ra sao. Hiểu biết sâu sắc về thời đại giúp ta tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp, mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng và quy luật phát triển của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được hướng đi phù hợp với sự phát triển của lịch sử; lường trước được những thách đố phức tạp, tránh được những vấp vấp sai lệch trên đường đi; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. Thực tế đã cho thấy khi phân tích bất

cứ vấn đề xã hội nào phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, người ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Nói cách khác, vấn đề thời đại là căn cứ khách quan và tiền đề cần thiết để các chính đảng đi theo chủ nghĩa Mác phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện một cách khoa học. Chính vì lẽ đó, khi bàn về những vấn đề lớn của cách mạng, trước đây cũng như bây giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng việc phân tích đặc điểm, nội dung, xu thế phát triển của thời đại và nhận định các mặt của tình hình thế giới để xác định đúng con đường đi của cách mạng Việt Nam và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo.

## 1. Nhận thức về thời đại

### 1.1. Khái niệm về thời đại

Trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hai chữ “thời đại” được dùng khá phổ biến. Với ý nghĩa thông thường nó thường được đồng nhất với các khái niệm “giai đoạn”, “thời kỳ”... Trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, “thời đại” cũng được dùng để chỉ các giai đoạn, thời kỳ khác nhau trong lĩnh vực đó. Trong các tác phẩm về lịch sử và kinh tế, thường thấy các khái niệm như “thời đại đồ đá”, “thời đại đồ đồng”, “thời đại đồ sắt”, “thời đại hơi nước”, “thời đại kinh tế hái lượm và săn bắt”, “thời đại kinh tế nông nghiệp”, “thời đại kinh tế công nghiệp”, “thời đại kinh tế tri thức”... Khái niệm thời đại còn được sử dụng trong các cụm từ như: thời đại phong kiến, thời đại tư bản, thời đại chủ nghĩa đế quốc, thời đại cách mạng vô sản... Trong quân sự, thời đại lại được sử dụng để mô tả các thời kỳ quân sự khác nhau, như: thời đại binh khí lạnh, thời đại binh khí nóng, thời đại hạt nhân, v.v..

Thực ra, “thời đại” là một khái niệm rất linh hoạt. Cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh là “Epoch”, vừa chỉ một khoảng thời gian có đặc trưng

nhất định, vừa chỉ thời điểm có một vài đặc điểm nổi bật. Từ điển tiếng Anh đương đại Longman xuất bản năm 1987 xác định: “Thời đại là một thời kỳ lâu dài của trái đất hay lịch sử xã hội loài người”.

Trong tiếng Hán, định nghĩa “thời đại” lại nghiêng về nhấn mạnh tính tiếp tục của thời gian. Ví dụ: “Từ điển Hán ngữ hiện đại” (bản bổ sung năm 2002) quy nạp hàm ý của thời đại thành hai loại: (1) chỉ một thời kỳ trong lịch sử được phân chia dựa theo tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa...; (2) chỉ một thời kỳ trong cuộc đời một con người.

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, thời đại là “thời kỳ lịch sử tương đối dài với xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét về mặt phát triển kinh tế xã hội hoặc về mặt văn hóa, coi như là một chặng đường không lặp lại trên quá trình tiến bộ xã hội”. Thời đại lịch sử có thể là toàn bộ thời kỳ phát triển của một hình thái kinh tế - xã hội hoặc những giai đoạn chủ yếu trong hình thái ấy.

Từ điển Tiếng Việt lại xác định: thời đại là “khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện

có đặc trưng giống nhau”. Theo định nghĩa này, khái niệm thời đại có tiêu chí “thời gian lịch sử dài” và “những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Nhưng định nghĩa đó cũng chưa thật rõ ràng vì bao nhiêu thời gian thì được coi là dài và sự kiện có đặc trưng giống nhau có phải là những công cụ đặc trưng về phát triển lực lượng sản xuất ứng với mỗi thời đại không? Ngoài ra thuật ngữ “thời đại” còn dùng để nói lên một đặc trưng nổi bật của sự phát triển trong một thời gian nhất định của lịch sử, tất nhiên là không ngắn hạn: thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế,...

Từ những cách thể hiện như trên, có thể hiểu thời đại theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, thời đại là khái niệm về thời gian để chỉ sự phân kỳ lịch sử xã hội và để phân biệt những nấc thang phát triển xã hội mà theo đó nấc thang cao hơn, tiến bộ hơn phủ định nấc thang cũ, lạc hậu để mở đường cho sự phát triển một thời đại mới. Còn thời đại theo nghĩa hẹp là khái niệm về thời gian để chỉ xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét trên phương diện kinh tế,

văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ...

## **1.2. Quan điểm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế về thời đại**

Trong Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu tại Mátxcova năm 1957 và năm 1960, các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã đưa ra quan niệm về thời đại ngày nay, thể hiện bước phát triển mới trong quá trình nhận thức về nội dung, tính chất của thời đại.

*Nội dung cơ bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. (Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa tháng 11-1957)*

*Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc*

*tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới,... Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người.* (Nhận định tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân thế giới, tháng 1 năm 1960)

Thực tế cho thấy, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ra đời năm 1917 đã đánh dấu chấm hết thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra thời đại mới, thời đại của sự quá độ lớn lao nhất trong lịch sử loài người, tiến tới một xã hội hiện thực không còn người bóc lột người, không còn nô dịch giữa người và người. Chế độ xã hội chủ nghĩa non trẻ đã vượt qua hàng loạt thử thách khắc nghiệt nhất của lịch sử, hiện diện cả ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, phát triển mạnh mẽ với nhiều ưu việt kinh tế - xã hội.

### **1.3. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời đại**

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là

một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hòa của lịch sử”<sup>1</sup>. Tiếp đó, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)” lại nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp

tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*<sup>2</sup>.

## **2. Đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại**

Xem xét trên cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử xã hội loài người đều cho thấy mỗi bước chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội này đến hình thái cao hơn đều diễn biến trong thời gian rất dài, có khi vài trăm năm hoặc vài nghìn năm. Vậy nên việc Đảng ta phân định *giai đoạn hiện nay của thời đại* “quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới” là tư duy sáng tạo, có tính khoa học xác thực và cần thiết. Vậy nên việc nghiên cứu đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng được thực hiện trong khung khổ giai đoạn hiện nay của thời đại.

### **2.1. Các mâu thuẫn cơ bản trong giai đoạn hiện nay của thời đại**

Sự vận động không ngừng của thế

giới đương đại và giai đoạn hiện nay của thời đại với những diễn biến phức tạp và hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn cơ bản nổi bật hiện nay là:

*Thứ nhất, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra gay gắt.* Đây là cách diễn đạt mới vì trước đây thường nói mâu thuẫn giữa “phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa”. Sở dĩ có cách diễn đạt mới này không chỉ vì không còn hai phe như trước, mà còn vì cách đề cập trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi mâu thuẫn giữa hai phe, chưa bao quát được cuộc chiến tranh giữa hai chiều hướng phát triển ngay trong lòng mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này sẽ tác động nhiều mặt đến các mâu thuẫn khác.

*Thứ hai, mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng xã hội với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.* Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản và mâu



*Cách mạng Tháng Mười vẫn đang và mãi còn cổ vũ nhân loại tiến lên chủ nghĩa xã hội \_ Ảnh tư liệu*

thuần giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các Trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Hai mâu thuẫn này phản ánh chân thực, mô tả khách quan bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản phát triển khi nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn luôn giành giết nhau gay gắt, nhiều khi gây ra các xung đột, chiến tranh kinh tế, thương mại khốc liệt.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển. Các nước tư bản phát triển thống nhất với nhau về bản chất chế độ và lợi ích giai cấp nhưng giữa các nước đó cũng có những mâu thuẫn khó khoan nhượng về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản. Các nước tư bản phát triển đang bị cuốn vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên, năng lượng, nhân lực chất lượng cao và chiếm lĩnh các thị trường béo bở trên khắp các châu lục, khai thác mọi tiềm năng của



các nước khác để tích lũy và xuất khẩu tư bản, gia tăng nhiều tối đa trên quy mô toàn cầu.

*Thứ tư, mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội.* Thế giới đang diễn ra quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau vô cùng phức tạp để thiết lập một trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh đó, các thế lực hiếu chiến, cường quyền luôn thực hiện các chính sách áp đặt, gây ra các xung đột cục bộ, xung đột khu vực, xung đột biên giới, biển đảo. Mâu thuẫn giữa các nước lớn cũng thường được giải quyết thông qua các cuộc chiến tranh “mượn tay người” ở các điểm nóng; các cuộc chiến giành giật tài nguyên, chiến tranh thương mại. Tình hình đó làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới hết sức lo lắng và đề cao cảnh giác.

*Thứ năm, mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của loài người càng tăng với tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.* Sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội luôn có mối

quan hệ khăng khít với môi trường và điều kiện thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường là cơ sở và nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Nếu biết sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và các yếu tố địa lợi, kinh tế - xã hội sẽ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững. Vậy nhưng hiện nay vấn đề sử dụng quá mức và thiếu trách nhiệm đã gây ra vấn nạn cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

## **2.2. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh**

Thế giới hiện nay là thế giới toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; là cả một không gian mở, đan xen lợi ích, tùy thuộc lẫn nhau. Một khi khủng hoảng kinh tế ở một khu vực hoặc một nước lớn kéo theo khủng hoảng toàn cầu; một khi giá dầu mỏ lên xuống thất thường và đột biến đủ làm cho kinh tế thế giới bị ảnh hưởng. Nhìn vấn đề toàn cầu, nhất là một số vấn đề an ninh phi truyền thống buộc cả cộng đồng quốc tế phải chung tay giải quyết. Sự biến đổi khí hậu khác thường, thiên tai nghiệt ngã đang diễn ra rất đáng lo ngại. Sự phát triển không thể ngăn cản của các loại

vũ khí giết người khủng khiếp cũng là yếu tố làm cho bất kỳ giới cầm quyền nào, cho dù là nước xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa cũng phải tính toán kỹ vấn đề chiến tranh hay hòa bình.

Như vậy, cùng với việc đổi mới nhận thức của toàn nhân loại, đặc biệt là của giới lãnh đạo các nước về trách nhiệm chung đối với sự phát triển thế giới, những nhân tố khách quan nêu trên vừa thúc đẩy, đòi hỏi, vừa tạo điều kiện cho việc cùng tồn tại và hợp tác cùng phát triển đối với tất cả các nước.

Trong khi nhận rõ sự hợp tác giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản hiện nay là khá toàn diện, thì không thể quên rằng những mâu thuẫn giữa hai chiều hướng phát triển này vẫn chứa đựng mâu thuẫn vốn có. Các thế lực hiếu chiến và thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm muốn xóa sổ chủ nghĩa xã hội. “Diễn biến hòa bình” là một trong những chiến lược tổng thể của chủ nghĩa đế quốc nhằm thực

hiện mục tiêu đó. Đây là cuộc chiến tranh không khói súng nhưng thực sự là kế sách nham hiểm phá vỡ thành lũy của chủ nghĩa xã hội từ bên trong,

là chiến thuật “mối xây nhà” nhằm làm thoái

**Trong khi nhận rõ sự hợp tác giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản hiện nay là khá toàn diện, thì không thể quên rằng những mâu thuẫn giữa hai chiều hướng phát triển này vẫn chứa đựng mâu**

hóa về tư tưởng, mục ruỗng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa.

Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực đế quốc đã và đang sử dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa, cũng như đối với giai cấp những người lao động trên toàn thế giới

cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay không kém phần gay gắt, quyết liệt và phức tạp. Bởi vậy, trong điều kiện mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và hợp tác giao lưu với các nước tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa phải luôn kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác cùng phát triển nhưng luôn cảnh giác và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và mục tiêu lý tưởng của mình.

### ***2.3. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng***

Ngày nay tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, nghèo đói và dịch bệnh. Cả thế giới giới đã chứng kiến đại dịch Covid-19, trở thành thảm họa toàn cầu khiến hàng trăm triệu người mắc bệnh, hàng trăm triệu người chết, khiến tâm trạng xã hội rối loạn, kinh tế toàn cầu khủng hoảng, hoạt động xã hội ngưng trệ, đảo lộn. Trong những vấn đề gay gắt và là những thách thức to lớn đó, cạn kiệt tài nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của nhiều nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Trong một bài phát biểu của mình, nguyên Tổng Thư ký Liên hợp quốc Bakimun đã nhận xét: “chân trời có vẻ tối đi”. Thế giới đang ở trong thời kỳ có nhiều xáo động. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên rất mạnh, chủ nghĩa phân hóa cũng đang phát triển và những tư tưởng cũng như hành vi cường quyền, cực đoan đang trở dậy. Trong khi các cuộc “Cách mạng màu” đã làm tan hoang một số nước tại Trung Đông, Bắc Phi; thì chủ nghĩa dân tộc cực đoan, khủng bố quốc tế chưa bao giờ phức tạp như bây giờ. Chủ nghĩa khủng bố, điển hình là IS vẫn đang duy trì hoạt động tại Iraq, Xyri và ở một số nước khác, đã không chỉ gây ra những bất ổn và biến động chính trị, quốc phòng, an ninh tại nhiều nước mà còn lôi cuốn nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực vào “chảo lửa” này. Nguy hiểm hơn, các tổ chức khủng bố đang mở rộng địa bàn hoạt động sang châu Âu, châu Á gây mất an ninh, an toàn xã hội. Những vụ tấn công nhằm vào Pháp, Bỉ, Anh, Nga, lan sang một số nước Đông Nam Á như Philippin, Indonexia cho thấy tất cả những điều đó không thể giải quyết trong một sớm, một chiều, mà sẽ kéo dài, vô cùng phức tạp.

### **3. Xu thế phát triển trong giai đoạn hiện nay của thời đại**

Trong giai đoạn hiện nay của thời đại, thế giới đang đứng trước các xu thế nổi bật tác động đến chiều hướng phát triển toàn nhân loại và chi phối trực tiếp đến tất cả các nước.

#### ***3.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển cả về trình độ và tính chất***

Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình gia tăng và lan tỏa những mối liên hệ ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa là xu thế và kết quả tất yếu của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, thúc đẩy quá trình mở rộng quan hệ nhiều mặt ra khỏi phạm vi quốc gia, tăng cường mối liên hệ, hợp tác cùng có lợi. Các nước vừa có cơ hội, vừa không thể cưỡng lại sức lôi cuốn của quá trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa trở thành quá trình tất yếu không ngừng phát triển, kéo theo cả thế giới vào cuộc chơi hội nhập cùng phát triển, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hội nhập quốc tế hiện nay cũng trở thành một lẽ

đương nhiên mà không nước nào có thể bỏ qua được. Hội nhập quốc tế là tiến trình mỗi quốc gia theo đuổi lợi ích, mục tiêu của mình thông qua việc tự giác hợp tác liên kết với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...) dựa trên sự chia sẻ về nhận thức, lợi ích, giá trị, nguồn lực, quyền lực và chủ động chấp nhận, tiếp thu tham gia xây dựng các luật chơi chung, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế bắt đầu từ thập niên 50 của thế kỷ trước và bùng nổ từ thập niên 1990 đến nay. Hàng loạt các tổ chức khu vực đã ra đời như việc hội nhập toàn diện của Liên minh châu Âu (EU) đã đạt đến mức độ cao, biến tổ chức này trở thành một thực thể mạnh siêu quốc gia. Các nước trong Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang mở rộng và làm sâu sắc tiến trình hội nhập khu vực một cách toàn diện hơn dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng chính trị - an ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa xã hội. Ở cấp độ toàn cầu, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên hợp quốc và các tổ chức

chuyên môn của Liên hợp quốc đã ra đời, ngày càng phát triển với số lượng thành viên bao quát hầu hết các nước trên thế giới.

### **3.2. Xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ**

Thế giới đang chứng kiến chưa bao giờ cách mạng khoa học - công nghệ lại phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Cách mạng khoa học - công nghệ chính là sự thay đổi căn bản trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ cũng như mối quan hệ và chức năng kinh tế, xã hội của chúng, tác động lớn đến cơ cấu và động thái phát triển của sức sản xuất xã hội. Quan trọng nhất của cách mạng khoa học - công nghệ là nổi lên vai trò hàng đầu của yếu tố con người trong hệ thống lực lượng sản xuất dựa trên việc vận dụng đồng bộ và hữu hiệu các ngành công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao. Cách mạng khoa học - công nghệ làm biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất xã hội, thực hiện vai trò dẫn đường và kết nối trong toàn bộ chu trình công nghệ - sản xuất - con người - xã hội - môi trường.

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ, trở thành một trong những xu thế phát

triển mới của đời sống nhân loại trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là sự hợp nhất, không ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật và sinh học. Đó là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, vạn vật kết nối. Cuộc cách mạng này làm cho thế giới “phẳng” hơn, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những bước tiến mới mạnh mẽ hơn, làm cho các nước có cơ hội mới và cũng đứng trước những thách thức mới. Với tốc độ phát triển cao, thay đổi nhanh chóng và sự kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, loài người đứng trước sự thay đổi lớn và khả năng phát triển chưa từng có.

### **3.3. Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển**

Thế kỷ XX đã xảy ra hai cuộc chiến tranh thế giới mà hậu quả vô cùng thảm khốc. Còn hiện nay, nếu chiến tranh thế giới, chiến tranh giữa các nước lớn xảy ra sẽ dẫn tới nguy cơ phá vỡ toàn bộ hạ tầng kinh tế của nhiều nước và nếu trở thành cuộc chiến tranh hạt nhân thì tất cả sẽ bị hủy diệt. Vậy nên hòa bình và ổn định là nhu cầu và khát vọng của toàn

nhân loại. Phải có hòa bình mới có hợp tác, phát triển và ngược lại, nếu thế giới bình yên, hợp tác và phát triển được đẩy mạnh sẽ củng cố được hòa bình của thế giới. Chính sự hợp tác, hội nhập quốc tế, tùy thuộc lẫn nhau, đan xen lợi ích giữa các quốc gia khiến mọi bất ổn, biến động sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng.

Hòa bình, hợp tác và phát triển đã và đang là một trong những xu thế khách quan, hết sức quan trọng và tối cần thiết trong quan hệ quốc tế hiện nay nhưng đang đứng trước nhiều thách thức. Đây là xu thế và là ước mong của toàn nhân loại, bởi xu thế là vậy nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi trên thế giới chưa có hòa bình, bởi vẫn có bạo lực, cường quyền áp đặt thay cho hợp tác và vẫn có những nguy cơ kiềm chế sự phát triển.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta càng thống nhất với nhận định rằng, mặc dù tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới có nhiều chuyển biến lớn lao, có khi là thay đổi khôn lường nhưng bản chất của thời đại không thay đổi. Tình hình cụ thể trong từng thời kỳ của thế giới có những biến động nhưng điều đó không làm thay đổi nội dung của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Trong xu hướng chung như vậy, Việt Nam vững bước đi lên theo nhịp bước thời đại, kiên định con đường đã chọn, nhất định thực hiện trọn vẹn mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội ■

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.514.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.69.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUA GẦN 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẤN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*



*Cơ giới hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn \_ Ảnh: IT*

**N**ông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền

vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Sau 35 năm đổi mới, đặc biệt, từ khi thực hiện nghị quyết trung ương 7 khoá X

về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nước ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu khá toàn diện. Nông nghiệp phát triển với tốc độ khá cao và ổn định, nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân ngày càng được nâng cao. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Nông nghiệp có bước chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và hiệu quả, trực tiếp là trụ đỡ của nền kinh tế; kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành sớm hơn gần 2 năm so với kế hoạch đề ra, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân”<sup>1</sup>.

Bài viết này sẽ khái quát những kết quả nổi bật trong việc thực hiện nghị quyết trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, những vấn đề đặt ra về lý luận, thực tiễn và các giải pháp chủ yếu.

## **I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X (Nghị quyết số 26) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã thu được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển chung của đất nước, cụ thể:

*Thứ nhất*, trên cơ sở khẳng định rõ vị trí, vai trò quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta, từ đó các chính sách phát triển trong lĩnh vực này đã được quan tâm nhiều hơn. Nghị quyết khẳng định trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hoá nông nghiệp là then chốt. Những đổi mới trong nhận thức, quan điểm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đem lại những kết quả tích cực. Nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp được duy trì khá cao, giai đoạn 2008-2020 tăng trưởng trung bình đạt 2,92%/năm, chất lượng



ngày càng được cải thiện. Văn kiện Đại hội XIII đã khẳng định: “Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ được chú trọng, từng bước chuyển đổi sang cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và ngày càng khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong những lúc khó khăn”<sup>1</sup>. Việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý, phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình, phát triển kinh tế trang trại, đổi mới tổ chức hoạt động của các hợp tác xã, các nông, lâm trường quốc doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đã có kết quả tích cực, tạo năng suất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp tăng.

*Thứ hai*, chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp thực chất và hiệu quả hơn, hoạt động sản xuất chuyển mạnh theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, phát huy lợi thế của mỗi địa phương và vùng miền trên cả nước. Tỷ trọng các ngành, sản phẩm có giá trị gia tăng ngày càng tăng. Số lượng cơ sở chế biến quy mô công nghiệp và tỷ trọng sản phẩm chế biến tăng. Chương trình xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, bộ

mặt nông thôn có nhiều thay đổi, sạch đẹp, văn minh hơn. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: “Đầu tư của doanh nghiệp vào khu vực nông nghiệp có xu hướng tăng; liên kết sản xuất trong chuỗi giá trị, khép kín có bước phát triển. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp đã thực hiện theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến; sắp xếp các nông, lâm trường quốc doanh và phát triển dịch vụ môi trường rừng đạt kết quả tích cực. Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất trên biển đã được tổ chức lại theo mô hình hợp tác đối với khai thác vùng biển khơi và mô hình đồng quản lý đối với vùng biển ven bờ, bước đầu đã thu hút được đông đảo ngư dân và góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn tàu cá. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản liên tục tăng, thị trường tiêu thụ được mở rộng”<sup>2</sup>.

*Thứ ba*, hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn được phát triển, nhiều làng nghề, ngành nghề truyền thống được phục hồi, phát triển, nhiều khu cụm công nghiệp được xây dựng, nhiều doanh nghiệp, dịch vụ đầu tư ở địa bàn nông thôn. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn được đầu tư

nâng cấp như hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống điện, thông tin và hệ thống thủy lợi. “Nâng cấp và hiện đại hoá kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu ở vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng kết cấu hạ tầng liên xã, cấp huyện, vùng, bảo đảm tính kết nối theo hệ thống, nhất là về thủy lợi, giao thông, hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn”<sup>3</sup>...

*Thứ tư*, hệ thống chính trị ở cơ sở được phát huy, dân chủ cơ sở, môi trường văn hoá, trật tự xã hội ở nông thôn được nâng lên. Vai trò chủ thể của nông dân được phát huy trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Đời sống vật chất tinh thần của người nông dân được cải thiện rõ rệt. Các thành tựu về xoá đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm nhanh, năm 2008 tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn

theo chuẩn nghèo đa chiều là 13,5%, đến năm 2020, chỉ còn khoảng 4,2%. Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng gấp 4,5 lần trong giai đoạn 2008-2020.

Tóm lại, kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn là tích cực và toàn diện trên tất cả các mặt, hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn không ngừng được củng cố, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, vấn đề phát triển nông nghiệp nông dân, nông thôn, đặc biệt trong bối cảnh mới hiện nay còn đặt ra một số vấn đề cả về lý luận và thực tiễn.

## II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THỰC TIỄN NỔI BẬT ĐẶT RA

*Thứ nhất*, nhận thức lý luận về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong hệ thống tổng thể, toàn diện, đồng bộ trong một số chính sách còn chưa rõ, vì vậy, các chính sách đôi khi thiếu đồng bộ, hiệu quả không cao. Về thực chất, nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề mang tính tổng thể, gắn kết với toàn bộ quá trình chuyển đổi và phát triển kinh tế- xã hội. Nông nghiệp, nông dân, nông

thôn không đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề chính trị, văn hoá, xã hội. Do vậy, cần có sự nhận thức lý luận đầy đủ về tính hệ thống của các nội dung này và chính sách cũng phải đảm bảo giải quyết tính hệ thống và mối quan hệ giữa các nội dung đó để đảm bảo phát triển toàn diện nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

*Thứ hai*, Nông nghiệp phát triển chưa bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn khá thấp. Việt Nam xuất khẩu nhiều sản phẩm nông nghiệp sang hầu hết các thị trường trên thế giới nhưng chủ yếu vẫn là xuất sản phẩm thô, mức độ chế biến còn rất thấp. Trong khi đó, Việt Nam phải nhập khẩu số lượng lớn vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp như thuốc trừ sâu, phân bón, thức ăn chăn nuôi, công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp chưa phát triển, vật tư trang thiết bị, máy móc chưa đáp ứng yêu cầu. Sự chuyển dịch lao động và đào tạo nghề trong nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Sự tham gia vào chuỗi sản xuất và cung

ứng còn hạn chế. Tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp có xu hướng chậm lại, nông nghiệp chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, phổ biến là kinh tế hộ gia đình, năng suất, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp nhìn chung còn thấp. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, đời sống của người dân, đời sống người dân nông thôn còn nhiều khó khăn, đặc biệt vùng sâu vùng xa. Ô nhiễm môi trường, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng, tác động rất mạnh đến nước ta. Thực trạng những thay đổi trong nếp sống, môi trường văn hoá ở nông thôn hiện nay đặt ra yêu cầu việc giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc. Vấn đề an ninh trật tự ở một số vùng nông thôn còn phức tạp...

*Thứ ba*, Về vai trò của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Nghị quyết đã nêu rõ: “Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công nghiệp hoá, hiện đại

hoá nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Tuy nhiên nhận thức và triển khai quan điểm này còn hạn chế. Việc đầu tư phát triển những ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt những ngành công nghiệp bảo quản, chế biến để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trong chuỗi giá trị. Trong bối cảnh mới, dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư sự phát triển những ngành công nghiệp mới phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp cả sản xuất, chế biến và tiêu thụ là hết sức cần thiết. Vì vậy, cần phải làm rõ nội hàm và sự tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước nói chung, đối với nông nghiệp nói riêng.

Trên thực tế, chủ trương, chính sách của Đảng đối với công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn được được quan tâm từ khá sớm, tuy nhiên, chính sách đi vào cuộc sống còn hạn chế. Ngay từ Hội nghị trung ương 5 khoá IX (3/2002) Đảng đã ra nghị

quyết chuyên đề “Về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010”. Nghị quyết đã đề cập tới công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn một cách toàn diện, khẳng định công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn là “xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội phát triển ngày càng hiện đại; nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là” chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá điện khí hoá, thuỷ lợi hoá; ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá trên thị trường” và chuyển

dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, công bằng văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá ở nông thôn.

Tóm lại, vấn đề công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn là nội dung rất quan trọng trong phát triển nông nghiệp nông dân, nông thôn, có ý nghĩa chiến lược hàng đầu trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Trong bối cảnh mới, đặc biệt dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và biến đổi khí hậu hiện nay, vấn đề công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông dân, nông thôn càng quan trọng nhằm đảm bảo đất nước phát triển nhanh và bền vững. Do vậy, ngoài việc cần phải có chính sách đầy đủ, đồng bộ, việc xác định những nội dung mới, yêu cầu mới, những ngành nghề và

công nghệ cần ưu tiên cho công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới cũng cần phải tập trung làm rõ.

*Thứ tư*, Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và tham gia chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế. Trong những năm vừa qua, cơ cấu nông nghiệp đã có sự chuyển dịch khá tích cực cả ở khía cạnh trong nội bộ ngành nông nghiệp cũng như giữa ngành nông nghiệp với các ngành trong nền kinh tế. Cụ thể, tỷ trọng ngành nông nghiệp ngày càng giảm so với công nghiệp và dịch vụ và trong nội bộ ngành cơ cấu được phát triển hợp lý hơn giữa trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu vẫn còn chậm, đặc biệt, phát triển công nghiệp chế biến, nhất là việc áp dụng khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế vì vậy, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, đời sống của người nông dân còn gặp nhiều khó khăn.

*Thứ năm*, Đầu tư cho nông nghiệp còn thấp, chênh lệch giữa đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn với các lĩnh vực khác còn khá cao, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu

tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Trong giai đoạn tới rõ ràng cần phải có chính sách để tăng cường hơn nữa đầu tư vào lĩnh vực này, đồng thời, cần làm rõ những nội dung mới về phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại và chính sách cụ thể.

*Thứ sáu*, Vấn đề phát triển văn hoá xã hội nông thôn dưới tác động của công nghiệp hoá hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Cần phân tích sâu sắc sự thay đổi cơ cấu xã hội nông thôn, những xu hướng biến đổi văn hóa, lối sống của cư dân nông thôn trước bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có chính sách phát triển phù hợp.

*Thứ bảy*, Vấn đề phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng cần có nhận thức lý luận rõ ràng, đặc biệt là tác động hai mặt của nó. Kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế là yêu cầu phát triển chung của đất nước, trong lĩnh vực nông nghiệp cũng cần phải vận dụng triệt để cơ chế này, khắc chế mặt trái như sự lệ thuộc bị động

vào thị trường nước ngoài và để đời sống của cư dân nông thôn ngày càng được nâng cao, phát triển lành mạnh, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống.

*Thứ tám*, Vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp. Nhìn chung phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn chưa đáp ứng được yêu cầu, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa còn khá lớn.

### **III. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG DÂN, NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

#### **1. Bối cảnh**

Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế phát triển hết sức mạnh mẽ, sâu rộng ở nhiều cấp độ khác nhau, các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương ngày càng nhiều, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, trong đó có nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sau 35 năm đổi mới, Việt Nam đã hội nhập hết sức sâu rộng vào khu vực và toàn cầu. Việt Nam đã ký 17 hiệp định thương mại, trong đó có nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới như Hiệp

định thương mại tự do Việt Nam-EU, Việt Nam - Anh, CPTPP, RCEP v.v.. Các hiệp định này tạo ra nhiều cơ hội cho xuất, nhập khẩu nói chung, sản phẩm nông nghiệp nói riêng cũng như những thách thức từ chính yêu cầu của hiệp định này. Ngoài ra, trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp hiện nay của Việt Nam cũng đang bị cạnh tranh rất gay gắt bởi các đối tác quan trọng như Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các ngành và các lĩnh vực, trong đó có nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc tận dụng cơ hội, vượt qua các thách thức do ảnh hưởng của cuộc cách mạng này là hết sức quan trọng, quyết định sự thành công trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian tới. Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao trong quản lý và sản xuất sẽ tạo ra sự phát triển bền vững trong tương lai.

Biến đổi khí hậu và an ninh phi truyền thống diễn ra ngày càng phức tạp. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh

mẽ đến sản xuất và đời sống nói chung, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng. Dự báo trong thời gian tới, biến đổi khí hậu còn diễn biến phức tạp, tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta. Vì vậy, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là hết sức quan trọng.

Xu hướng biến đổi dân số thế giới cả về quy mô và cơ cấu vẫn tiếp tục diễn ra sẽ tác động trực tiếp đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của nước ta trong thời gian tới. Dân số thế giới hiện tại của thế giới có gần 8 tỷ người, dự báo sẽ tăng lên 9,7 tỷ vào năm 2050, đạt 11,7 tỷ trước khi giảm theo quy luật. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề an ninh lương thực thế giới và lĩnh vực nông nghiệp nói chung. Cơ cấu dân cư khu vực đô thị ngày càng tăng, tầng lớp trung lưu ngày càng phát triển...

## 2. Quan điểm

Để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030 và tầm nhìn đến 2045 như trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt ra, phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp, nông

dân, nông thôn có ý nghĩa hết sức quan trọng. Về quan điểm phát triển cần nhấn mạnh những nội dung sau đây:

*Thứ nhất*, tiếp tục khẳng định rõ vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải trong tính tổng thể, hệ thống, quan hệ hữu cơ với nhau.

*Thứ hai*, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn là ưu tiên, là mặt trận hàng đầu trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh mới, cần phải tận dụng các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại, phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm tạo ra sự phát triển đột phá về năng suất, chất lượng và bền vững.

*Thứ ba*, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững chắc, dân chủ, lành mạnh. Phát triển hài hòa đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người nông dân, trên cơ sở không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

*Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao nhận thức sâu sắc, đầy đủ về vị trí, vai trò của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong bối cảnh mới. Kinh nghiệm ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển, nông dân chiếm tỷ trọng nhiều hay ít, đóng góp của khu vực nông nghiệp vào GDP cao hay thấp đều đặc biệt coi trọng vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề có tính tổng thể cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, là cơ sở quan trọng cho sự ổn định và phát triển của mỗi quốc gia. Việt Nam là nước nông nghiệp, việc cụ thể hóa quan điểm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định phát triển của đất nước, đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ của tổ quốc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Thứ hai*, hoàn thiện thể chế, chính sách, đảm bảo phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh mới. Vận dụng đầy đủ thể chế



kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hiện đại, hội nhập quốc tế. Trước hết cần rà soát các chính sách hiện có và bổ sung chính sách mới để khơi thông những điểm nghẽn, đang cản trở sự phát triển của lĩnh vực này, nâng cao chất lượng thể chế phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển trong bối cảnh mới. Chú ý có những cơ chế chính sách đảm bảo tính đặc thù trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo khung pháp lý cho việc khuyến khích phát triển những ngành nghề mới, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao, thúc đẩy việc tham gia có hiệu quả vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường quốc tế. Có cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên đầu tư công phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cuối cùng là, cần có cơ chế chính sách cụ thể, giải quyết những điểm nghẽn về cơ chế, chính sách liên quan đến đất đai để đảm bảo phát triển nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiệu quả cao.

*Thứ ba*, có các giải pháp chính sách đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh và tham gia tích cực, có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Văn kiện Đại hội XIII đã nêu rõ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, bảo quản với chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã, thu hút doanh nghiệp đầu tư, cải tiến quản lý nhà nước để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả xuất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công

nghệ cao, khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Phát triển nuôi trồng thủy sản cả trên biển và mặt nước nội địa theo hướng công nghiệp, quảng canh cải tiến, sinh thái; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, phát triển đánh bắt đại dương. Thực hiện đồng bộ giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, nâng cao hiệu quả rừng trồng, lâm đặc sản, đáp ứng cơ bản nhu cầu lâm sản trong nước và làm nguyên liệu chế biến xuất khẩu. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các chuỗi giá trị lâm nghiệp.

*Thứ tư*, tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong bối cảnh mới. Trước hết ưu tiên hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng công

nghệ để phát triển kinh tế số, ứng dụng các thành tựu khoa học mới vào sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; kết nối nông thôn với đô thị; tiếp tục đẩy mạnh chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng đời sống văn hoá, nông thôn mới kiểu mẫu và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác

*Thứ năm*, phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân hiện đại và nông thôn văn minh. Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng và

quản trị ngành; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp. Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

*Thứ sáu*, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, phát huy dân chủ, nâng cao vị trí vai trò chủ thể của người nông dân.

Rõ ràng, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí cực kỳ quan trọng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn lần đầu tiên đã đặt vị trí vai trò, quan điểm giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong một tổng thể thống nhất, quan hệ hữu cơ với

nhau. Trải qua gần 15 năm triển khai thực hiện nghị quyết, chúng ta đã thu được nhiều kết quả tích cực, toàn diện. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, một số vấn đề lý luận và thực tiễn cần phải tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Trong bối cảnh mới có nhiều yếu tố tác động như toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, biến đổi khí hậu...đang tác động mạnh mẽ, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với phát triển nói chung, trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội XIII đề ra, cần phải có quan điểm, giải pháp mới tận dụng cơ hội, khắc chế thách thức nhằm phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh ■

<sup>1, 2, 3, 4</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.61-62, 22, 22-23, 123.

# MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

● PGS, TS PHẠM MINH TUẤN

*Giám đốc - Tổng Biên tập*

*Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật,*

*Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Kết quả thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 2011 - 2020

Hiện nay, ở nước ta, nông nghiệp là kế sinh nhai và giúp ổn định cuộc sống cho phần lớn dân cư nông thôn, là nền tảng cho phát triển kinh tế, xã hội và ổn định chính trị, tạo tiền đề để công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ một nước nông nghiệp. Mặt khác, nông nghiệp có vai trò ngày càng lớn trong việc đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên của đất nước và xoá đói giảm nghèo. Tăng trưởng trong nông nghiệp thường đi đôi với mức tăng trưởng gần như tương tự trong các ngành phi nông nghiệp.

Hiểu rõ vai trò, tầm quan trọng đó, Đảng luôn chủ trương phải phát triển nông nghiệp, nông thôn và không ngừng nâng cao đời sống của người nông dân. Nhiều nghị quyết, chính sách, văn bản quan trọng về vấn đề này đã được Đảng ban hành như: *Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 124/2012/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành ngày 02 tháng 02 năm 2012 và có hiệu lực kể từ ngày ký là bước tiến để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch*

*phát triển kinh tế - xã hội; Kết luận 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và những chủ trương, chính sách về lĩnh vực an ninh lương thực, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm...*

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nêu rõ: *Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.* Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh việc khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh - sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn phát triển nông thôn mới

với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; tích cực xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản...

Mặt khác, trong giai đoạn 2011 - 2020, nước ta có nhiều đổi mới trong những chính sách cụ thể, góp phần đáng kể cho thành tựu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cụ thể:

### **Chính sách đất đai**

Hệ thống pháp luật về đất đai từng bước được hoàn thiện, nhiều quy định về đất nông nghiệp đã có sự đổi mới, như kéo dài thời hạn giao đất nông nghiệp, mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Thời hạn sử dụng đất từ 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm, 50 năm đối với đất trồng cây lâu năm (Luật Đất đai, 2003) lên 50 năm đối với các loại đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm (Luật Đất đai, 2013). Hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ gấp 2 lần hạn mức tối đa được giao lên gấp 10 lần (Luật Đất đai, 2013).

Nhà nước khuyến khích nông dân “đón điền, đổi thửa”, chuyển đổi, chuyển nhượng đất cho nhau để tập



*Mô hình nuôi tôm sạch tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng \_ Ảnh: VOV*

trung đất nông nghiệp phục vụ sản xuất quy mô lớn, đã giao và cho thuê phần lớn diện tích đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. cho phép chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng, thủy sản khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho hộ nông dân. Các sửa đổi chính sách góp phần đảm bảo tốt hơn quyền lợi cho người có quyền sử dụng đất, tạo điều kiện sử dụng đất hiệu quả hơn.

### ***Chính sách tín dụng***

Trong giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ đã ban hành nhiều ưu đãi về các mức cho vay không có tài sản đảm bảo, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao, chính sách xử lý rủi ro đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng nhằm hỗ trợ thúc đẩy đầu tư, phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Ngành ngân hàng xác định nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực ưu tiên và tập trung nguồn vốn để cho vay, có

tính đến các chương trình tín dụng đặc thù cho một số lĩnh vực và sản phẩm chủ lực của ngành như ưu tiên cho vay đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ; cho vay vốn lưu động để khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa; chính sách tín dụng đặc thù đối với người nuôi tôm và cá tra; tín dụng cho tái canh cà phê với lãi suất ưu đãi; tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp, hợp tác xã có hợp đồng liên kết với nông dân<sup>1</sup>.

### ***Chính sách tài khóa***

#### ***- Chính sách đầu tư công***

Hệ thống văn bản pháp luật về đầu tư công trong nông nghiệp, nông thôn đã dẫn được đổi mới và hoàn thiện trong giai đoạn 2011 - 2020. Các ưu tiên đầu tư trong nông nghiệp cũng được định hướng cụ thể hơn, tạo cơ sở pháp lý và thể chế vững chắc hơn để đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình phê duyệt, thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn ngân sách.

Luật Đầu tư công ban hành năm 2014 đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất

trong quản lý đầu tư công từ xây dựng chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn, phê duyệt và thực hiện kế hoạch, theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công, đổi mới việc lập kế hoạch đầu tư công, tạo thuận lợi cho việc bố trí vốn đầu tư công cho ngành nông nghiệp. Luật Đầu tư công 2019 đánh dấu sự hoàn thiện thể chế, pháp luật về đầu tư công theo hướng thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan khác, giúp đơn giản hóa quy trình thủ tục đối với phê duyệt dự án đầu tư công, đẩy mạnh phân cấp ra quyết định đầu tư công, minh bạch hóa hoạt động đầu tư công.

Đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp là một ưu tiên lớn trong các định hướng phát triển của Chính phủ. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được Quốc hội, Chính phủ đã đẩy mạnh trong giai đoạn 2011 - 2020 trong đó có một số hoạt động gắn kết với tái cơ cấu ngành như phát triển tổ chức sản xuất, xây dựng hợp tác xã, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn để phục vụ sản xuất nông nghiệp và thương mại nông sản. Ngoài ra, Chính phủ phê duyệt 4 chương trình mục tiêu khác hỗ trợ tái

cơ cấu các lĩnh vực gồm: Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Phát triển kinh tế thủy sản bền vững; Phát triển lâm nghiệp bền vững; Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Vốn được ưu tiên cho các vùng trọng điểm có lợi thế phát triển nông nghiệp hàng hóa, các lĩnh vực trực tiếp sản xuất sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, phát triển kinh tế biển đảo...

#### - Chính sách thuế

Chính sách ưu đãi thuế hiện nay đang quy định ưu đãi ở mức cao nhất, giảm thấp nhất việc huy động thuế, phí từ lĩnh vực nông nghiệp, qua đó góp phần thu hút đầu tư, phát triển lĩnh vực nông nghiệp và hỗ trợ nông dân. Nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp cũng như góp phần giảm chi phí đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ nông dân trong các sắc thuế như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi

nông nghiệp, trong giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ tiếp tục duy trì nhiều chính sách ưu đãi về thuế; đồng thời nhằm tăng cường thu hút đầu tư và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tháo gỡ khó khăn về đời sống nông dân. Quốc hội cũng đã có những điều chỉnh pháp luật về thuế, như: quy định nông sản, hàng hoá chủ yếu dùng cho đầu vào hoặc liên quan đến dịch vụ cung cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, cơ sở sản xuất kinh doanh xuất khẩu được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp đầu tư bảo quản nông sản; miễn thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp<sup>2</sup>...

#### - Các biện pháp hỗ trợ giá

Chính phủ đã điều hành hệ thống Dự trữ quốc gia đối với một số hàng hóa kể từ khi thống nhất đất nước<sup>2</sup>. Hàng hóa nông nghiệp nằm trong lĩnh vực dự trữ là gạo và các đầu vào sản xuất khác. Chiến lược cho Dự trữ quốc



gia đến năm 2020 đã đặt ra mục tiêu dự trữ hàng năm đến năm 2015 đạt: 500.000 tấn lúa gạo (tương đương lúa); 10.000 tấn hạt giống lúa; 1.500 tấn hạt giống ngô; 130 tấn hạt giống rau; 600 tấn thuốc trừ sâu; 10 triệu liều vắc-xin, 1 triệu lít chất diệt khuẩn để phong ngừa và ngăn chặn bệnh cho gia súc<sup>3</sup>. Các khu dự trữ hiện nay được duy trì cho mục đích phong ngừa và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến con người, thực vật hoặc động vật và đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh xã hội và an ninh quốc gia. Dự trữ được tiến hành trên khắp cả nước và thuộc trách nhiệm của 22 cục dự trữ quốc gia, mỗi cục bao gồm 2 - 3 tỉnh. Số lượng lúa/gạo đưa vào dự trữ hàng năm được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng. Số lượng này có thể được mang đến cho nông dân/thương nhân, với một mức giá tối đa theo quy định của MOF.

Quỹ bình ổn giá (PSF) được thành lập vào năm 1993 với mục tiêu điều tiết và bình ổn giá cả trong nước. Không có danh sách các hàng hóa và dịch vụ là đối tượng bình ổn giá, nhưng quỹ này nhìn chung được áp dụng cho những mặt hàng thiết yếu

như lúa gạo, cà phê, cao su, mía, hạt điều, sản phẩm liên quan đến dầu mỏ, sắt thép, phân bón (WTO, 2006). Sản phẩm liên quan đến nông nghiệp trong danh mục bình ổn giá bao gồm đầu vào, đầu ra và các sản phẩm tiêu dùng cuối cùng.

### ***Chính sách thương mại***

Với việc tham gia 15 hiệp định FTA (trong đó, hiệp định RCEP đang chờ Quốc hội phê chuẩn), Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung và ban hành mới gần 20 luật, các văn bản pháp lý để thực thi các hiệp định, như giảm thuế nhập khẩu, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao tính hấp dẫn và sức cạnh tranh của môi trường đầu tư.

Nhiều chính sách hỗ trợ đã góp phần cải thiện, tăng nhanh cơ sở hạ tầng thương mại nông sản (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, chuyên doanh, v.v.); hệ thống chợ truyền thống được quy hoạch lại, nâng cấp và xây dựng mới; hệ thống kinh doanh dịch vụ logistics đang hình thành và phát triển. Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia với hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ tích cực và hữu hiệu cho việc xúc tiến các mặt hàng

nông sản, thực phẩm, thủy sản tại các thị trường trong nước và quốc tế.

## 2. Một số vấn đề đặt ra

*Một là, sự chuyển biến về nhận thức chưa theo kịp thực tiễn, lúng túng trong cách hiểu và triển khai các chủ trương chính sách, đặc biệt là trong triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp.* Hiện nay, nước ta chưa tạo thành sức mạnh tổng thể để tạo kết quả đột phá cho ngành nông nghiệp do việc triển khai thực hiện, phổ biến cách hiểu và cách làm đối với các cơ quan, đơn vị chưa có sự thống nhất; các văn bản hướng dẫn chưa được ban hành kịp thời. Mặc dù, 63 tỉnh trên cả nước đã triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp, song việc thực hiện, chuyển biến nhận thức của các địa phương tại nhiều tỉnh về vấn đề “Tái cơ cấu nông nghiệp” còn hạn chế. Theo kết quả khảo sát<sup>4</sup> của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 90% các hộ nông dân của một số tỉnh trong số các tỉnh được khảo sát chưa từng nghe nói đến “Tái cơ cấu nông nghiệp”, hoặc chỉ nghe một vài lần. Đối với cán bộ của các địa phương đã biết về “Tái cơ cấu nông nghiệp” phần lớn lại đang hiểu “Tái cơ cấu nông nghiệp” chỉ đơn thuần

là quá trình chuyển đổi từ cây trồng này sang cây trồng khác, từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn... Trong khi đó, bản chất thực sự hay mục tiêu cuối cùng của “Tái cơ cấu nông nghiệp” là sử dụng một cách hiệu quả tài nguyên và nguồn lực hiện có để tạo ra gia tăng giá trị, thúc đẩy tăng trưởng nhanh hơn, từng bước cải thiện thu nhập của nông dân, từ đó bảo đảm sản xuất nông nghiệp bền vững.

*Hai là, khung chính sách nông nghiệp được đặc trưng bởi một mức độ mạnh mún cao giữa các cục/vụ khác nhau trong các Bộ khác nhau.* Như một hệ quả của việc kết hợp chưa chặt chẽ giữa các cục/vụ này với nhiều quy định chồng chéo và những khe hở trong chính sách và điều hành. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển nông nghiệp, xuất hiện các hệ lụy trong các lĩnh vực như đất đai, quản lý vốn đầu tư trong nông nghiệp.

*Ba là, chất lượng quy hoạch chưa thực sự hợp lý, thiếu sự liên kết, thống nhất giữa các loại quy hoạch, chưa gắn kết chặt chẽ với nguồn lực thực hiện.* Do đó, nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa đáp

ứng được nhu cầu trên thực tế. Ví dụ, việc triển khai thực hiện các mô hình “Cánh đồng mẫu lớn”, “Chuỗi sản xuất, thương mại, chế biến và phân phối sản phẩm khép kín”, “Nông dân góp cổ phần với doanh nghiệp bằng giá trị quyền sử dụng đất”, “Các hợp tác xã, tổ hợp tác kiểu mới, mô hình liên kết theo hợp đồng”, “Doanh nghiệp công nghệ cao trong nông nghiệp” được đánh giá là những nhân tố mới. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục hoàn thiện, giải quyết, như mối liên kết giữa doanh nghiệp và người dân chưa thật sự chặt chẽ; việc chuyển đổi sản xuất hàng hóa quy mô lớn còn gặp nhiều khó khăn, ở cả đầu vào lẫn khâu tiêu thụ. Các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác khó tiếp cận các chính sách của Nhà nước, nhất là các chính sách ưu đãi về tín dụng, đầu tư kết cấu hạ tầng, ưu đãi đất đai<sup>5</sup>...

*Ba là, cung cấp dịch vụ công trong nông nghiệp còn nhiều tồn tại.* Hiện nay, Nhà nước không chỉ đảm nhận chức năng quản lý, mà còn đảm nhận vai trò cung ứng các dịch vụ công. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đã phát huy vai trò

quan trọng trong việc cung ứng dịch vụ công, góp phần nâng cao đời sống và phúc lợi cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, hoạt động cung ứng dịch vụ công trong thực tiễn cũng bộc lộ nhiều bất cập. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ cơ chế, chính sách, các phương thức tổ chức quản lý và cung ứng dịch vụ công của Nhà nước. Ở Việt Nam, Nhà nước là chủ thể chăm lo cho các lĩnh vực sự nghiệp (văn hóa, giáo dục, y tế, v.v..). Mô hình này trong thực tế đã phát huy hiệu quả nhất định, nhưng cách thức cung cấp dịch vụ công vẫn dựa trên phương thức tập trung, quan liêu, bao cấp, nên chất lượng không cao, không phân biệt được chức năng quản lý nhà nước và phục vụ công cộng. Điều này đã dẫn tới hệ quả là nền hành chính công kênh, chi phí nhiều nhưng kết quả mang lại chưa tương xứng.

### **3. Định hướng đổi mới và nâng cao hiệu quả chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030**

**3.1. Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo sự đồng bộ, tính khả thi, nhất là chính sách về đất đai, tín dụng, đầu tư, bảo hiểm**

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách được ban hành, thu hút nguồn lực đầu tư; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát thực hiện để quản lý, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nông thôn hiện đại, nông nghiệp thông minh, sinh thái, giá trị gia tăng cao. Cụ thể là:

*- Chính sách đất đai:*

Hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng thúc đẩy tập trung tích tụ đất đai trên cơ sở hình thành thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng lúa để đạt thu nhập cao hơn. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng công khai minh bạch trong xây dựng và triển khai quy hoạch đất đai, trong đó có đất nông nghiệp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cập nhật về thông tin quy hoạch của từng thửa đất, cho phép tra cứu; quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho nông sản chủ lực; rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng phù hợp với điều kiện thực tế.

*- Chính sách tài chính, tín dụng, đầu tư:*

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính

sách đủ mạnh, ưu đãi, hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái. Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo an toàn, hiệu quả. Phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp phục vụ các nhóm dân cư chưa hoặc ít được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng truyền thống ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

*- Chính sách tài khóa*

+ Chính sách đầu tư công: Đầu tư trọng điểm, tránh dàn trải. Các khoản đầu tư liên quan đến phát triển nông nghiệp cần thông qua điều phối của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đảm bảo phục vụ mục tiêu chiến lược của ngành trong từng thời kỳ, Đồng thời cũng cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các bộ ngành liên quan trong xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cũng như giám sát thực hiện kế hoạch.

+ Chính sách thuế: Tiếp tục rà soát

các chính sách ưu đãi thuế hiện hành theo hướng cải cách ưu đãi thuế nhằm tạo sự chuyển biến trong phân bổ nguồn lực, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và một số ngành lĩnh vực quan trọng theo chính sách phát triển của Nhà nước.

- *Chính sách thương mại:*

Đổi mới cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, thích ứng nhanh với các biến động thị trường, phát triển thị trường trong nước, đồng thời thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu nông sản, v.v. Thực hiện cơ chế điều hành xuất khẩu linh hoạt nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả xuất khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu.

**3.2. Cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm chính sách vĩ mô về nông nghiệp thông qua việc tinh giảm bộ máy và thu hút nhân tài**

Cần tạo ra cơ chế để khuyến khích nhân tài trong việc đưa ra các giải pháp đột phá, các ý tưởng hay để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: sản

xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ; sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được tổ chức và phát triển hợp lý; trình độ chế biến còn hạn chế nên giá trị gia tăng thấp...

**3.3. Đầu tư nguồn lực thích hợp cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.** Tiếp tục tăng cường tìm kiếm, huy động, phân bổ thêm các nguồn lực để tập trung giải quyết các vấn đề hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay... Cần phải tuyệt đối tránh tình trạng ban hành hệ thống các chính sách vượt quá khả năng đáp ứng về nguồn lực của Nhà nước hoặc ban hành các chính sách mang tính cào bằng, dàn trải, chia đều... dẫn tới phân tán về nguồn lực, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Mặt khác, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan ban hành chính sách (đặc biệt là các Vụ/Cục trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), để tránh tình trạng các chính sách được ban hành chồng chéo nhau.

**3.4. Áp dụng các phương pháp lập kế hoạch phát triển theo mô hình từ dưới lên để các kế hoạch, chương trình phát**

***triển được ban hành có thể sát nhất với thực tiễn, để tăng tính hiệu quả, tính phù hợp của chính sách***

Việc lập kế hoạch từ dưới lên nếu được làm chặt chẽ, khoa học chắc chắn sẽ giúp giải quyết tốt hơn, nhanh hơn các vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn ở nước ta với những nguồn lực ít hơn.

***3.5. Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số***

Tăng cường phân cấp cho địa phương; đẩy mạnh chuyển giao một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện. Nhà nước dành nguồn nhân lực, vật lực tập trung cho những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, đồng thời phát hiện những vướng mắc cần tháo gỡ, những phát kiến tạo ra giá trị mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung củng cố và tăng cường năng lực các cơ quan quản lý trong xây dựng chính sách, chiến lược, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ■

<sup>1</sup> Dự thảo Báo cáo lần thứ 6 về chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến 2050.

<sup>2</sup> Dự thảo Báo cáo lần thứ 6 về chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến 2050.

<sup>3</sup> Hệ thống Dự trữ Nhà nước đầu tiên bắt đầu ở miền Bắc Việt Nam vào ngày 07 tháng 8 năm 1956.

<sup>4</sup> Quyết định số 2091/2012/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2012.

<sup>5</sup> Gồm 7 tỉnh: Sơn La, Thái Bình, Đắk Lắk, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp và Cà Mau

<sup>6</sup> <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/819844/phat-trien-nong-nghiep%2C-nong-thon-ben-vung-o-nuoc-ta.aspx>.

# QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN

● **Thiếu tướng, PGS.TS, NGND, NGUYỄN BÁ DƯƠNG**

*Trưởng Nhóm Chuyên gia 35 Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng;  
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

**V**ấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - một đất nước mà nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, có hơn 70% dân cư sinh sống ở khu vực nông thôn, chiếm khoảng 45% lực lượng lao động cả nước và phần lớn quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam có nguồn gốc từ nông thôn, là con em nông dân.

Đảng ta từ khi ra đời cho đến nay luôn quan tâm chăm lo phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Đảng

đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, chính sách khuyến nông, tạo động lực thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. Trong đó, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X là văn kiện nghị quyết chuyên đề đầu tiên được Đảng ta bàn sâu về chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước; đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của tuyệt đại đa số nông dân, được nhân dân đồng tình, ủng hộ; tạo được niềm tin yêu đối với sự lãnh đạo của



*Bộ đội gặt lúa giúp dân \_ Ảnh: laodong.vn*

Đảng, quản lý của Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông thôn và nông dân; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng; trong đó, Chỉ thị số 92/CT-BQP ngày 11-5-2017 của Bộ Quốc phòng và Kế hoạch số 87/KH-BQP ngày 04-01-

2017 về triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 nhằm hưởng ứng Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” của cán bộ, chiến sĩ quân đội. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân, toàn quân đã chủ động, tích cực tham gia các cuộc vận động cách mạng, các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và các địa phương, cùng toàn



Đảng, toàn dân từng bước đổi mới, làm “thay da đổi thịt” bộ mặt nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh. Thông qua các nội dung, hình thức dân vận, toàn quân đã góp phần xây dựng, củng cố “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh.

Tiêu biểu trong các phong trào thi đua yêu nước trong Quân đội là phong trào “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”. Đây là một trong những nội dung quan trọng, mô hình hay, cách làm tốt trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân; trong đó xây dựng nông thôn mới, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân được Quân đội chủ động, tích cực tham gia hiệu quả, để lại nhiều bài học quý. Đây cũng là nhiệm vụ quan trọng của Công tác Đảng, Công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, là chất keo kết nối nghĩa tình quân - dân bền chặt; động lực thúc đẩy mạnh mẽ công tác dân vận của Đảng trong quân đội nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn

dân tộc vững mạnh, góp phần tạo nền tảng tinh thần vững chắc để xây dựng “thế trận lòng dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; liệu thuốc đặc trị chữa khỏi căn bệnh chia rẽ quân - dân, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà các thế lực thù địch, phản động reo rắc.

Với quyết tâm đưa Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” trở thành nền nếp, nguồn sức mạnh nội sinh để phát huy vai trò, hiệu lực, hiệu quả của Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông thôn và nông dân; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chí, cụ thể hóa các chỉ tiêu, quy trình xét khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình của phong trào “Dân vận khéo”, “Đơn vị dân vận tốt”, tạo động lực trực tiếp thúc đẩy quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Nhân dịp Kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng (15/10/1930 - 15/10/2020), Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng đã tổ chức Hội nghị tổng kết Phong trào thi

đua, tôn vinh và khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình “Dân vận khéo”, “Đơn vị dân vận tốt”, qua đó khẳng định kết quả và đúc rút những kinh nghiệm, những ấn tượng tốt đẹp về Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, coi đó là “chất keo kết dính” nghĩa tình đoàn kết quân dân - kết quả thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng; cụ thể là:

(1) Toàn quân đã gắn kết chặt Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” với việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan, đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy, chính quyền các địa phương - nơi đơn vị đóng quân để kết nghĩa, xây dựng chương trình, kế hoạch dã ngoại giúp dân, thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân; chú trọng công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình “Dân vận khéo”, “Đơn vị dân vận tốt” trong xây dựng nông thôn mới; giúp dân “xóa đói giảm nghèo”, hỗ trợ xây dựng hạ tầng cơ sở “điện, đường, trường, trạm”

và các công trình dân sinh ở nông thôn. Qua đó, toàn quân, nhất là các đoàn kinh tế - quốc phòng, đã góp phần xây dựng, tu sửa, nâng cấp, làm mới 1.499 ki lô mét đường giao thông liên thôn - xóm - xã, 89 cầu dân sinh, 114 công trình nước sạch, 166 công trình thủy lợi; nạo vét, cải tạo hệ thống kênh mương nội đồng, cải thiện đời sống dân sinh ở địa phương.

Cùng với đó, hỗ trợ, trao tặng kinh phí, các trang thiết bị phục vụ đời sống văn hóa của nông dân; xây mới 33 trạm y tế, nâng cấp hàng ngàn trạm y tế xã, xây mới 390 phòng học, sửa chữa hàng ngàn nhà mẫu giáo, nhà văn hóa thôn, xã, huyện; 395 nhà nội trú cho học sinh vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng 39 chợ nông thôn; làm cho hoạt động văn hóa - tinh thần ở nông thôn lan tỏa và ảnh hưởng sâu rộng trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân địa phương. Hằng năm, các đơn vị đều tiến hành khảo sát, sơ kết, tổng hợp báo cáo các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm hay để kịp thời biểu dương, khen thưởng, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, học tập và nhân rộng gương người tốt việc tốt trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của

Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

(2) Tổng cục Chính trị và các cơ quan, đơn vị trong toàn quân đã tổng hợp, lựa chọn, in tuyển tập sách về Tấm gương điển hình “Dân vận khéo”, “Đơn vị dân vận tốt” và các phong trào, mô hình, sáng kiến tiêu biểu của cơ quan, đơn vị trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân... Theo báo cáo của Cơ quan chức năng Tổng cục Chính trị: Hơn 10 năm qua, toàn quân đã có hơn 6.000 lượt tập thể “Đơn vị dân vận tốt” và hơn 16.000 lượt cá nhân điển hình “Dân vận khéo” được khen thưởng ở các cấp trong toàn quân về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức hơn 700 ngàn buổi nói chuyện, tuyên truyền về Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho hơn 8 triệu lượt nhân dân trên các địa bàn cả nước về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng nông thôn mới,

đời sống nông dân không ngừng được cải thiện. Trong đó, giúp dân xây dựng 266 mô hình chăn nuôi với sự ủng hộ 84.744 triệu đồng; hướng dẫn xây dựng 180 mô hình trồng trọt với nguồn kinh phí hỗ trợ là 47.701 triệu; 08 mô hình VAC với sự ủng hộ 3.359 triệu; chuyển giao 537 lớp/21.774 người được đào tạo, bồi dưỡng.

(3) Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã góp phần thúc đẩy Phong trào Thi đua Quyết thắng và đưa các phong trào thi đua, cuộc vận động trong toàn quân lên tầm cao mới. Nhiều mô hình, điển hình tiêu biểu có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đó là: “Xóa một hộ đói, giảm một hộ nghèo”, “Bò giống giúp người nghèo biên giới”, “Mái ấm biên cương”, “Thầy giáo, thầy thuốc quân hàm xanh”, thực hiện tốt “bốn cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc) của các Quân khu; “Vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa các hộ tụt hậu, ổn định cuộc sống, xây dựng nếp sống mới vùng dự án”, “Gắn kết hộ người kinh với đồng bào dân

tộc” của Quân khu 2; “Gắn kết yêu thương giữa lương và giáo” của Quân khu 4; “Chốt dân quân thường trực”, “Nhận con nuôi đồn biên phòng” của Quân khu 5, “Hải quân Việt Nam làm điểm tựa cho ngư dân vươn khơi, bám biển” của Quân chủng Hải quân; “Đồng hành với ngư dân” của Cảnh sát biển... đã được cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân đánh giá cao. Các đơn vị quân đội đã phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền địa phương tổ chức, sắp xếp, ổn định dân cư; thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội trên các địa bàn trọng điểm Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Quân đội luôn là lực lượng nòng cốt trong phối hợp với nhân dân thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia mà đã được Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân xác định.

(4) Các phong trào, chương trình có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, đáng kể là: “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”; Hành trình “Quân đội chung tay vì sức khỏe cộng đồng”, “Quân đội chung tay vì người nghèo”;

**Ở bất cứ nơi đâu, các đơn vị Quân đội cũng đều xử lý tốt mối quan hệ, kết nghĩa với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương. Qua đó, tham gia xây dựng gần 13.000 tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể; cử trên 62.000 lượt cán bộ, chiến sĩ giúp đỡ các xã, phường, thôn, bản về mọi mặt...**

Chương trình “Kết hợp quân dân y”, “Nâng bước em tới trường”, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”,... đều phát huy tốt tác dụng, hiệu quả. Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” đã góp phần tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân và chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, nhất là các huyện nghèo, xã nghèo; nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở.

Làm tốt công tác tuyển quân, cử tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ địa phương; làm tốt công tác phát triển đảng; xóa trình trạng thôn, bản “trắng đảng viên, trắng chi bộ”. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín, tiêu biểu trong các dân tộc thiểu số; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân.

Ở bất cứ nơi đâu, các đơn vị Quân đội cũng đều xử lý tốt mối quan hệ, kết nghĩa với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương. Qua đó, tham gia xây dựng gần 13.000 tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể; cử trên 62.000 lượt cán bộ, chiến sĩ giúp đỡ các xã, phường, thôn, bản về mọi mặt, chủ yếu là ở các vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng biên giới, vùng trọng điểm về quốc phòng, an ninh; phối hợp cùng các lực lượng giải quyết hiệu quả các vụ việc phức tạp ở Mường Nhé, Điện Biên, năm 2011; ở Bình Thuận, năm 2018; vụ việc xâm chiếm đất quốc phòng ở Đồng Tâm, Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, năm 2019, 2020... không để khiếu kiện, tranh chấp đất đai, sự cố môi trường, hoạt động của các chức

sắc tôn giáo cực đoan..., biến thành nó “điểm nóng”.

(5) Tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, văn minh, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phối hợp với hơn 700 xã thực hiện hoàn thành tiêu chí quốc phòng, an ninh, 867 xã và 126 huyện trên cả nước hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới; đào tạo nghề cho hơn 22.000 người, tạo việc làm cho 10.000 lao động. Các đơn vị thực hiện tốt chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội, xây dựng gần 6.000 nhà tình nghĩa, làm sâu sắc thêm nghĩa tình đồng đội, sự đồng thuận trong xã hội. Quân đội tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn và bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của Đảng, Nhà nước, nâng cao đời sống của nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh.

(6) Chủ động phòng, chống đại dịch Covid-19, các đơn vị Quân đội ngày đêm chốt chặn trên toàn tuyến biên giới, ở “tâm dịch”, “điểm nóng”, là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương, bà con nông dân, giúp họ an tâm lao động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, quân đội đã tổ chức gần 200 khu cách ly, không để dịch bệnh lây nhiễm, tràn vào các “vùng xanh”, vào các làng, xã; tiến hành tiêu độc, khử trùng hàng triệu ki lô mét vuông tại các khu vực phát sinh dịch quanh xóm, bản, làng; thành lập các bệnh viện dã chiến tiếp nhận, điều trị bệnh nhân; các tổ, đội cơ động phòng, chống dịch, tham gia bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân bị ảnh hưởng. Toàn quân đã thực hiện tốt phương châm: “Ở đâu gian khó ở đó có bộ đội”, bộ đội chủ động đến với nhân dân trong mọi tình huống, nhất là những lúc khó khăn. Cán bộ, chiến sĩ đều “chung sức đồng lòng”, đồng cam, cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với nhân dân; không để ai tụt lại phía sau; được bà con nông dân tin tưởng, đánh giá cao. Tất cả những việc làm ấy góp phần tỏa sáng phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng nhân dân.

Hiện nay, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, cán bộ, chiến sĩ toàn quân tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, ra sức khắc phục những hạn chế, khuyết điểm; đẩy mạnh Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt, trong thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân để luôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị quân đội cần tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới; tiếp tục vận dụng sáng tạo các nội dung, phương pháp, hình thức tiến hành “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” vào cơ quan, đơn vị, thông qua thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là, giáo dục cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, của Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân để tiếp tục thực tốt công tác dân vận, phong trào “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” trong tình hình mới*

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về công tác dân vận; Nghị quyết số 49-NQ/QUTW, ngày 26-01-2015 của Quân ủy Trung ương về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Quân đội trong tình hình mới”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Quy chế công tác dân vận của Quân đội nhân dân Việt Nam và văn bản của Đảng, Quân ủy Trung ương, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị về công tác dân vận, Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong tình hình mới.

*Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chính trị, cán bộ chính trị đối với Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.*

Gắn kết chặt chẽ việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới”. Tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, chiến sĩ chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội, kỷ luật dân vận; đảm bảo mọi lời nói, hành động của cán bộ, chiến sĩ luôn được dân tin, dân yêu và dân tự giác hưởng ứng, làm theo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

*Ba là, toàn quân đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” góp phần thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về*

*nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới*

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, hình thức công tác dân vận, nhất là nội dung, hình thức hành quân dã ngoại làm công tác dân vận, tổ, đội công tác tăng cường cho sơ sở để tăng thêm sức mạnh xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ đạo chặt chẽ công tác dân vận trong xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biển, đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng tôn giáo. Đa dạng hóa các hình thức vận động nhân dân vùng biên giới và nhân dân nước bạn để giữ vững tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác trong bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng biên cương xanh để thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới.

*Bốn là, phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành Trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng trên địa bàn để tổ chức hiệu quả Phong trào thi đua*

*“Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân*

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch ký kết giữa cơ quan, đơn vị với các tổ chức ở Trung ương và địa phương. Thường xuyên giao ban, nắm chắc tình hình, chủ động xây dựng, bổ sung kế hoạch, phương án phối hợp xử trí các tình huống, đặc biệt khi xảy ra các sự kiện phức tạp, không để lan rộng, kéo dài, gây mất ổn định chính trị, xã hội ở các vùng nông thôn. Nhận rộng điển hình tiên tiến thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt” trong thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

*Năm là, quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận các cấp có chất lượng cao, trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng công tác dân vận khéo, thành thạo tay nghề, chuyên môn giỏi, góp phần thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới*

Tập trung xây dựng cơ quan dân vận, đội ngũ cán bộ dân vận đảm bảo



số lượng, chất lượng, cơ cấu phù hợp; quán triệt và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”; chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân vận có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, kiến thức, kinh nghiệm tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị trong thực hiện Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, xây dựng “Đơn vị dân vận tốt”, tạo động lực thúc đẩy phong trào thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới.

Đó là “chất keo kết dính” bền chặt mối quan hệ quân dân ngày càng bền chặt; bác bỏ mọi quan điểm sai trái, thù địch về chia rẽ, phá hoại mối quan hệ, đoàn kết quân dân. Để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới. Xuất phát từ thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, chúng tôi đề nghị Trung ương và Quân ủy Trung ương ba vấn đề sau:

*\* Đối với Trung ương Đảng:*

(1) Tổng kết một số vấn đề lý luận -

thực tiễn về thực thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân sau 15 năm thực hiện Nghị quyết này, đúc rút, khái quát bài học kinh nghiệm và xác định những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết và hệ thống giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết này trong bối cảnh tình hình mới, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.;

(2) Ban Chấp hành Trung ương ra Kết luận về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tình hình mới, giai đoạn 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*\* Đối với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng:*

(3) Đề nghị Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ đạo các cơ quan, đơn vị toàn quân tổ chức đánh giá kết quả 15 năm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này, đúc rút, khái quát bài học kinh nghiệm và xác định những vấn đề đặt ra và các giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết này trong bối cảnh tình hình mới, giai đoạn 2021-2030 ■

## KỶ HỌP THỨ 2 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



*Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì Kỳ họp thứ 2 Hội đồng Lý luận Trung ương \_ Ảnh: haiphong.gov.vn*

**T**hực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, ngày 15-12-2021, tại Thành phố Hải Phòng, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 đã tiến hành Kỳ họp thứ 2. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương,

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phát biểu khai mạc và kết luận.

Kỳ họp thứ 2 của Hội đồng tập trung thảo luận vào hai nội dung: (1) Góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo Tổng kết công tác năm 2021, xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Hội

đồng Lý luận Trung ương, (2) tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nghị quyết 26/NQ-TW*”.

### **1. Về tổng kết công tác năm 2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương**

Năm 2021 là năm đánh dấu bước chuyển giao của Hội đồng Lý luận Trung ương từ nhiệm kỳ 2016-2021 sang nhiệm kỳ 2021-2026. Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ngay sau Lễ Công bố Quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương, Quyết định thành lập các Tiểu ban của Hội đồng và Lễ ra mắt Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chủ động, quyết liệt, kịp thời của tập thể Thường trực Hội đồng, Hội đồng đã khẩn trương kiện toàn Ban Thư ký khoa học của Hội đồng; chuẩn bị tốt và tổ chức thành công Kỳ họp thứ nhất, thông qua Kế hoạch công tác toàn khóa “*Những nội dung công tác chủ yếu và Chương trình làm việc của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026*”; đồng thời tiến hành

kiện toàn Hội đồng, Cơ quan Hội đồng, thông qua Quy chế làm việc của các Tiểu ban, Quy chế làm việc của Ban Thư ký khoa học, Văn phòng Hội đồng; tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Hội đồng bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến, trang trọng, tiết kiệm, tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19.

Hội đồng đã triển khai và hoàn thành với chất lượng cao một khối lượng công việc chuyên môn lớn: Hai báo cáo tư vấn trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII: “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới*” và “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đang tích cực xây dựng hai báo cáo tư vấn phục vụ Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về: “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X*

về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; và “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”; triển khai nghiên cứu 02 chuyên đề theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 20-7-2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”; chủ động xây dựng và khẩn trương tổ chức triển khai Chương trình “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025” (mã số KX.04/21-25);

Hội đồng đã và đang triển khai thực hiện đồng bộ công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, duy trì và củng cố mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới. Tích cực tham gia đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm của Đảng.

Năm 2022, Hội đồng tập trung vào một số nhiệm vụ, đó là: (1) Hoàn thành với chất lượng cao các báo cáo tư vấn, báo cáo chuyên đề trình Bộ

Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ Hội nghị Trung ương 5, 6 khóa XIII; báo cáo theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”; triển khai hoàn thành 15 chuyên đề phục vụ nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bên cạnh 3 chuyên đề phải hoàn thành và trình Ban Bí thư trong tháng 12 năm 2021 này; (2) Đẩy mạnh triển khai Chương trình KX.04/21-25; chủ động chuẩn bị triển khai tổng kết 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới; tổng kết 50 năm thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; (3) Hội đồng chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại và tổ chức tốt các hội thảo trao đổi lý luận với một số đảng cộng sản, đảng cầm quyền trên thế giới; (4) Chuẩn bị tốt, bảo đảm chất lượng và tiến độ xây dựng các báo cáo chuyên đề phục vụ các chương trình bồi dưỡng, cập nhật

kiến thức cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII và các đồng chí cán bộ quy hoạch cấp chiến lược khoá XIV của Đảng; (5) Nâng cao chất lượng, tư vấn, thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương; (6) Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trên mặt trận lý luận; phê phán, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, các phần tử cơ hội chính trị.

## **2. Về Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nghị quyết 26/NQ-TW”**

Hội thảo đã tập trung nghiên cứu, thảo luận sâu về các nội dung sau: Làm sâu sắc và cụ thể hóa thêm quan điểm của Đại hội XIII của Đảng về phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và các phương hướng, giải pháp thực hiện cho giai

đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cung cấp thêm luận cứ khoa học về các giải pháp giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp để đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; định hướng đổi mới và nâng cao hiệu quả chính sách phát triển nông nghiệp; quan điểm chủ trương, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá để ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ hiệu quả phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh ở nước ta thời gian tới; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, sự tham gia của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn hiện đại; yêu cầu và giải pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai bảo đảm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam.

Sau một ngày làm việc nghiêm túc, với không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, Kỳ họp thứ 2 Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra ■

# HỘI THẢO LÝ LUẬN LẦN THỨ VIII GIỮA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO



**T**hực hiện Thỏa thuận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; triển khai chương trình hợp tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn giữa hai Đảng, ngày 16/12 đã diễn ra Hội thảo Lý luận lần thứ VIII giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với chủ đề “*Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào*”.

*XI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào” bằng hình thức trực tuyến.*

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, làm Trưởng đoàn. Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Khăm-phan Phời-nhạ-vông, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng Ban Tuyên

huấn Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, làm Trưởng đoàn. Cùng tham dự Hội thảo tại hai điểm cầu có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, đại diện Lãnh đạo các ban, bộ, ngành và các nhà khoa học của Việt Nam và Lào.

Hội thảo lý luận lần thứ VIII được diễn ra vào thời điểm hai nước đã tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc và đang tích cực triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng ở mỗi nước; hai bên chuẩn bị tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 45 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào vào năm 2022.

Phát biểu tại Hội thảo, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng khẳng định ý nghĩa quan trọng của Hội thảo, là dịp để hai Đảng cùng nhau làm rõ những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhằm chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường hiểu biết, góp phần làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết tinh trí tuệ, sáng tạo của toàn Đảng và toàn nhân dân Việt Nam, thể hiện tư duy lý luận và thực tiễn mang tầm nhìn chiến lược về công cuộc phát triển đất nước; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; nhân dân là trung tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Đồng chí nêu rõ, Văn kiện rút ra năm bài học kinh nghiệm lớn, cũng có thể được coi là năm vấn đề lý luận căn cốt của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Đó là: (i) triển khai toàn diện, đồng bộ, thường xuyên công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; (ii) quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; (iii) có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách; (iv) tập trung ưu tiên xây dựng

đồng bộ thể chế phát triển đất nước; (v) chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cũng trao đổi với các đồng chí tham dự Hội thảo về các nội dung trong bài viết quan trọng của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

Phát biểu tại Hội thảo, đồng chí Khăm-phan Phời-nhạ-vông khẳng định Hội thảo có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay. Văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là tổng hợp trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân, thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong suốt 66 năm qua đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội tại Lào; có nhiều vấn đề mới, được thể hiện rõ trong chủ đề Đại hội là “Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm ổn định chính trị vững chắc”, triển khai đường lối đổi mới đi vào chiều sâu, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế-xã hội theo hướng chất lượng mới, nâng cao chất lượng đời sống

nhân dân tiếp tục đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển và tiến lên theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa”. Đồng chí Khăm-phan Phời-nhạ-vông nhấn mạnh, các vấn đề lý luận và thực tiễn mới thể hiện trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào có nội dung sâu, rộng, mang tính kế thừa và phát triển sáng tạo mới rõ nét; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn; phản ánh khách quan những thành tựu đạt được đồng thời đề ra mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực, xác định các đột phá chiến lược cho giai đoạn mới.

Tại Hội thảo, các nhà khoa học Việt Nam và Lào đã cùng trao đổi về những vấn đề lý luận, thực tiễn mới của Văn kiện hai Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về phát triển văn hoá, xã hội, con người; về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và những vấn đề khác hai bên cùng quan tâm.

Trong khuôn khổ chương trình, hai Hội đồng Lý luận Trung ương của hai Đảng đã ký kết Thoả thuận hợp tác cho giai đoạn 2022-2026 ■